



CÔNG BẰNG XÃ HỘI
VIỆC LÀM BỀN VỮNG

HƯỚNG DẪN NHANH VỀ NGUỒN SỐ LIỆU VÀ SỬ DỤNG SỐ LIỆU THỐNG KÊ VỀ THƯƠNG LƯỢNG TẬP THỂ



Bản quyền thuộc về © Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) 2018. Xuất bản lần đầu năm 2018.

Ấn phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) được công nhận bản quyền theo Nghị định 2 của Công ước Quốc tế về Bản quyền. Tuy nhiên, một số nội dung có thể trích dẫn ngắn mà không cần xin phép, với điều kiện phải ghi rõ nguồn gốc trích dẫn. Đối với quyền tái bản hoặc dịch thuật, phải được đăng ký với ILO là đại diện của cả hai Tổ chức: Bộ phận Xuất bản của ILO (Quyền và Cho phép xuất bản), Văn phòng Lao động Quốc tế, theo địa chỉ CH-1211 Geneva 22, Thụy Sĩ, hoặc qua email: rights@ilo.org. Tổ chức Lao động Quốc tế luôn khuyến khích việc đăng ký này.

Thư viện, viện nghiên cứu, và những người sử dụng đã đăng ký với các tổ chức cấp quyền tái bản có thể sao chép thông tin theo giấy phép ban hành cho mục đích này. Truy cập vào trang web www.ifrro.org để biết thêm thông tin về các tổ chức cấp quyền sử dụng tại quốc gia mình.

Tiêu đề: *Hướng dẫn nhanh về nguồn số liệu và sử dụng số liệu thống kê về thương lượng tập thể*

Ngôn ngữ: Tiếng Việt

ISBN : 978-92-2-133480-4 (print)
978-92-2-133481-1 (web pdf)

Tài liệu này đã được xuất bản bằng tiếng Anh: *Quick guide on sources and uses of Collective Bargaining Statistics* (ISBN: 978-92-2-132269-6 (web pdf), Geneva, 2018)

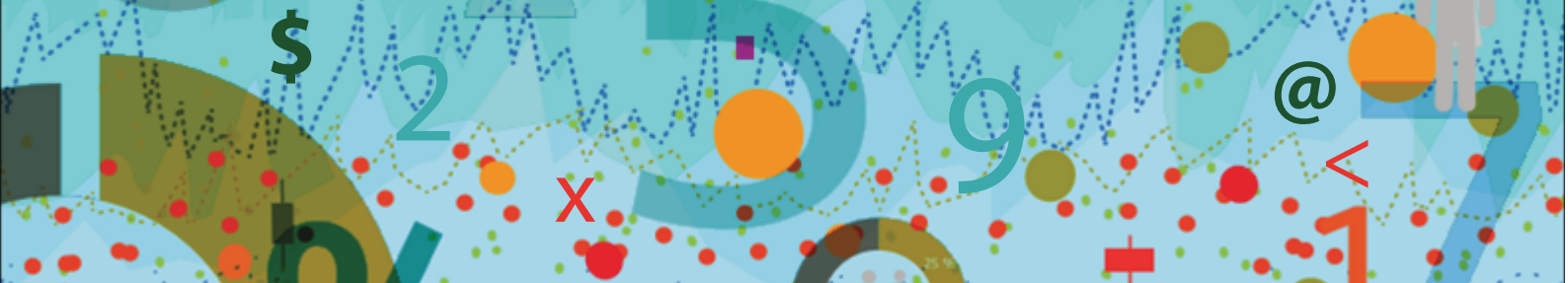
Các quy định áp dụng trong các ấn phẩm của ILO phù hợp với nguyên tắc ứng xử của Liên Hợp Quốc, và việc đưa ra các ấn phẩm không thể hiện quan điểm của ILO về tình trạng pháp lý của bất cứ quốc gia, khu vực, vùng lãnh thổ hoặc chính quyền hoặc vùng phân định biên giới nào.

Việc trích dẫn một phần ấn phẩm của ILO trong các bài báo, nghiên cứu, hay tuyên bố đó là thuộc trách nhiệm của các tác giả. Việc phát hành các ấn phẩm có trích dẫn không đồng nghĩa với việc ILO chứng thực cho những quan điểm này.

Ấn phẩm của ILO không phục vụ mục đích quảng cáo khi nhắc đến tên các công ty, sản phẩm và các quy trình. Tương tự, khi một công ty, sản phẩm hay quy trình không được nhắc đến trong báo cáo không có nghĩa là ILO không ủng hộ công ty, sản phẩm hay quy trình đó.

Để biết thêm thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm điện tử của ILO, vui lòng truy cập website: www.ilo.org/publns.

In tại Việt Nam

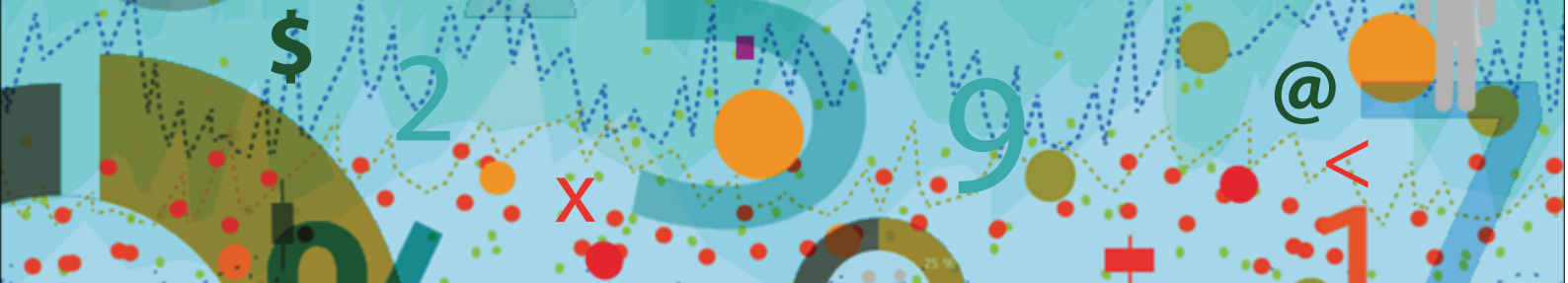


Mục lục

Lời cảm ơn	vii
1. Giới thiệu	1
2. Sự phù hợp, cách sử dụng và phạm vi thống kê TLTT	3
2.1. Vai trò của TLTT trong thị trường lao động	3
2.2. Sử dụng số liệu thống kê TLTT	4
2.3. Phạm vi thống kê TLTT	4
3. Các tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ phổ biến về thống kê TLTT	7
3.1. Nghị quyết về thống kê TULĐTT	7
3.2. Các khái niệm và định nghĩa chính	8
3.3. Các chỉ số chính về TLTT	12
3.3.1. Tỷ lệ bao phủ TLTT: chỉ số thống kê chính	12
3.3.2. Các chỉ số định tính (khung pháp lý)	16
3.3.2.1. Quyền thương lượng tập thể	16
3.3.2.2. Cấp TLTT	17
3.3.2.3. Mức độ điều phối thương lượng tập thể	17
3.3.2.4. Mở rộng TULĐTT	18
4. Các nguồn số liệu thống kê về TLTT Các nguồn số liệu thống kê về TLTT	19
4.1. Hồ sơ dữ liệu hành chính	19
4.2. Điều tra hộ gia đình (đáng chú ý nhất là điều tra lao động – việc làm)	23
4.3. Tổng điều tra và khảo sát cơ sở lao động	26
4.4. Thu thập dữ liệu đặc biệt và các nguồn khác	27
4.5. Một số cân nhắc về nguồn số liệu thống kê về TLTT	28
5. Những thách thức và cân nhắc	31
5.1. Sự sẵn có của số liệu	31
5.2. Tương thích dữ liệu giữa các nước và theo thời gian	31
5.3. Tầm quan trọng của phân tổ số liệu	32
5.4. Tác động của phạm vi bao phủ của số liệu thống kê	33
5.5. Phân tích TLTT thông qua một bộ chỉ số rõ ràng và liền mạch	33

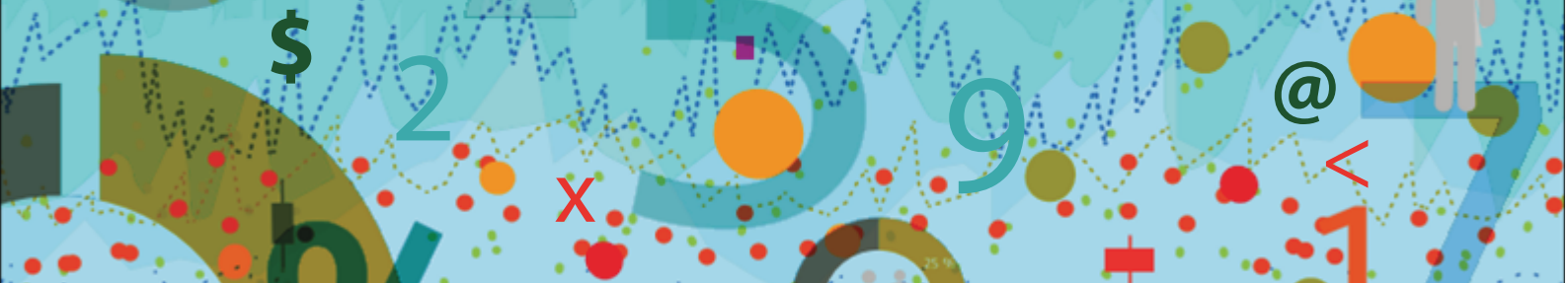
6. Kết luận	35
--------------------------	-----------

7. Tài liệu tham khảo.....	37
-----------------------------------	-----------



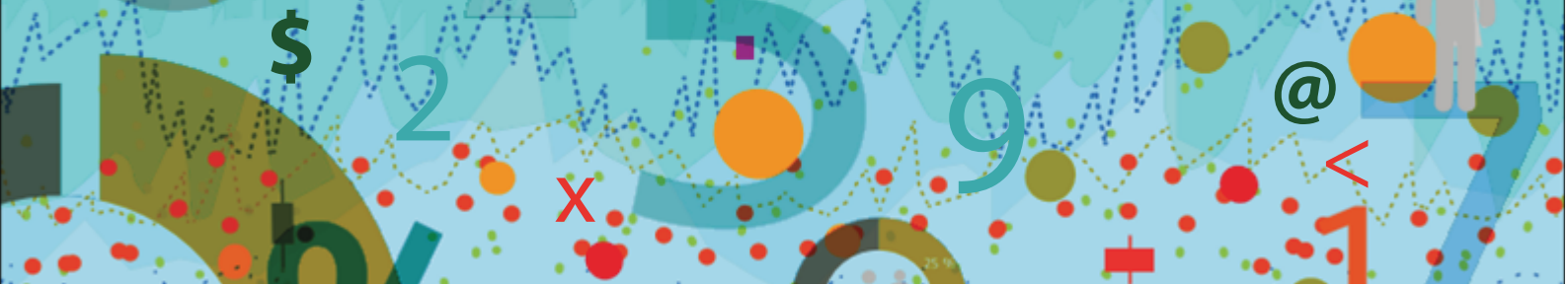
Từ viết tắt

ĐTXH	Đối thoại xã hội
ICSE	Nghị quyết Phân loại quốc tế về Vị thế việc làm
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
NLĐ	Người lao động
NSDLĐ	Người sử dụng lao động
QHLD	Quan hệ lao động
SDG	Mục tiêu Phát triển Bền vững
TLTT	Thương lượng tập thể
TU^{LD}TT	Thỏa ước lao động tập thể
UNECE	Ủy ban Kinh tế châu Âu của Liên hợp quốc



Lời cảm ơn

Hướng dẫn nhanh này do Rosina Gammarano từ Cục Sản xuất và Phân tích Dữ liệu thuộc Tổng cục Thống kê của ILO soạn thảo dựa trên kinh nghiệm của bà trong việc tổng hợp và phân tích số liệu thống kê về Thương lượng tập thể. Chất lượng của bản thảo đầu tiên đã được cải thiện nhờ công tác biên tập của Steven Kapsos cũng như các ý kiến quý báu của John Ritchotte và hướng dẫn chung của Susan Hayter.



1 | Giới thiệu

Mục tiêu việc làm bền vững cho tất cả mọi người có nghĩa là người lao động được đảm bảo việc làm đầy đủ và hiệu quả - cũng như có khả năng tiếp cận với điều kiện sống và làm việc thỏa đáng¹. Ở khía cạnh này, quan hệ lao động (QHLĐ) và đối thoại xã hội (ĐTXH) đóng vai trò quan trọng, giúp cung cấp một phương tiện rõ ràng để đảm bảo các điều kiện làm việc thỏa đáng bằng cách chính thức hóa các đối tác xã hội tham gia vào quá trình thiết lập điều kiện việc làm, đặc biệt là thông qua Thương lượng tập thể (TLTT). Công ước ILO số 154 (*Công ước về TLTT, 1981*) định nghĩa TLTT là “tất cả các cuộc đàm phán diễn ra giữa một bên là một người sử dụng lao động (NSDLĐ), một nhóm NSDLĐ hay một hoặc nhiều tổ chức của NSDLĐ - với bên kia là một hoặc nhiều tổ chức của người lao động (NLĐ), nhằm: (a) xác lập các điều kiện làm việc và điều khoản công việc; và/hoặc (b) điều chỉnh quan hệ giữa NSDLĐ với NLĐ; và/hoặc (c) điều chỉnh quan hệ giữa NSDLĐ hoặc tổ chức của họ với một hoặc nhiều tổ chức của NLĐ.”² Tự do lập hội/liên kết và quyền TLTT là những nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, là trung tâm của Quan hệ lao động (QHLĐ) lành mạnh và đối thoại xã hội (ĐTXH) hiệu quả.

Để đánh giá tình hình thị trường lao động, hiểu rõ các xu hướng mới nhất và xác định các vấn đề chính của thị trường lao động, điều quan trọng là phải dựa vào một bộ số liệu thống kê lao động toàn diện, kịp thời và chính xác.³ Vì ĐTXH nói chung và TLTT nói riêng là các khía cạnh cơ bản của việc làm bền vững, số liệu thống kê về ĐTXH - hay chính xác hơn là số liệu thống kê về TLTT - là một phần quan trọng của thống kê lao động, là công cụ đo lường một cách hiệu quả việc làm bền vững. Tác động tiềm tàng của TLTT đối với tiền lương và các điều khoản, điều kiện làm việc khác nằm ở chỗ: để có một bức tranh đúng đắn về tình hình thị trường lao động, điều quan trọng là phải bổ sung thống kê TLTT vào các phân tích thị trường lao động.

Thống kê TLTT cho phép đánh giá mức độ mà tiền lương và các điều khoản, điều kiện làm việc được TLTT và mức độ NLĐ được bao phủ bởi các thỏa ước tập thể (TƯLĐTT). Nó tạo điều kiện so sánh khía cạnh này giữa các quốc gia, giữa các khu vực và theo thời gian. Các chỉ số TLTT có liên quan rất hữu ích trong việc theo dõi tiến độ thực hiện

¹ Việc làm bền vững là một phần của Chương trình Nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững, được nêu rõ là Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) 8 và cũng nằm xuyên suốt trong nhiều SDG khác. Để biết thông tin về Chương trình Việc làm Bền vững của ILO, hãy truy cập trang web: <https://www.ilo.org/global/topics/decent-work/lang-en/index.htm>. Để biết thông tin về Chương trình Nghị sự 2030 vì Sự phát triển Bền vững, hãy truy cập trang web: <https://sustainabledevelopment.un.org/post2015/transformingourworld>

² Bản đầy đủ của Công ước số 154 của ILO 154 (*Công ước về TLTT, 1981*) có tại: https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_INSTRUMENT_ID:312299

³ Để biết thêm thông tin về các nguồn số liệu và cách sử dụng số liệu thống kê về Lao động, hãy tham khảo Hướng dẫn nhanh về Nguồn số liệu và Sử dụng Số liệu thống kê về Lao động của ILO, có tại: http://ilo.org/wcmsp5/groups/public/-dgreports/-stat/documents/publication/wcms_590092.pdf

quyền tự do lập hội/liên kết và quyền TLTT cũng như đánh giá chất lượng của QHLD và vai trò của QHLD trong quản trị thị trường lao động. Thống kê TLTT cung cấp thông tin cho công việc của các nhà hoạch định chính sách, đối tác xã hội, nhà nghiên cứu và các cán bộ thị trường lao động khác. Tuy nhiên, việc tìm ra một cách thức đo lường TLTT thích hợp cũng đặt ra những thách thức, vì có nhiều khía cạnh khác nhau của TLTT cần được tính đến. TLTT được quyết định phần lớn bởi bối cảnh quốc gia, khung pháp lý và hệ thống QHLD. Do đó, một bộ dữ liệu TLTT toàn diện sẽ bao gồm cả các chỉ số thống kê và thông tin định tính về khung pháp lý tương ứng. Hơn nữa, một số vấn đề liên quan đến tính sẵn có của dữ liệu, sự đa dạng của các nguồn dữ liệu tiềm năng và sự không thống nhất của các phương pháp được sử dụng để lấy số liệu thống kê TLTT khiến đây trở thành một lĩnh vực thống kê lao động đầy thách thức.

Hướng dẫn này cung cấp cái nhìn tổng quan về các khía cạnh chính của thống kê TLTT, bao gồm cả sự phù hợp và cách sử dụng những số liệu thống kê đó. Tài liệu cũng trình bày các tiêu chuẩn quốc tế về thống kê TLTT, cũng như các thông lệ phổ biến nhất ở cấp quốc tế về các chỉ số TLTT được sản xuất. Tài liệu cũng rà soát các loại nguồn số liệu thống kê TLTT tiềm năng, nhấn mạnh ưu điểm và nhược điểm của mỗi loại. Cuối cùng, tài liệu chỉ ra những thách thức chính xung quanh việc tổng hợp số liệu thống kê TLTT.

Hướng dẫn này nhằm mục đích giới thiệu về thống kê TLTT, cung cấp thông tin có giá trị nhưng chưa đầy đủ. Đây là công cụ tham khảo hữu ích cho các nhà sản xuất dữ liệu mới bước vào lĩnh vực thống kê TLTT, các đối tác xã hội sử dụng những chỉ số TLTT để cung cấp thông tin cho công việc của họ, các nhà nghiên cứu, nhà phân tích thị trường lao động, sinh viên các lĩnh vực liên quan và người sử dụng dữ liệu quan tâm đến ĐTXH hoặc QHLD nói chung.



2 | Sự phù hợp, cách sử dụng và phạm vi thống kê TLTT

2.1. Vai trò của TLTT trong thị trường lao động

ILO xác định việc thừa nhận hiệu quả quyền TLTT là một quyền cơ bản trong lao động, như được nêu trong Tuyên bố 1998 về các Nguyên tắc và Quyền Cơ bản trong Lao động. Theo đó, quyền phổ quát này phải được áp dụng cho tất cả NLD ở mọi quốc gia, dù quốc gia đó đang ở mức độ phát triển nào hoặc có mức thu nhập bao nhiêu.⁴ ĐTXH đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được sự gắn kết xã hội và việc làm bền vững cho tất cả mọi người. Mối quan hệ việc làm lành mạnh sẽ có lợi cho tất cả mọi người liên quan, bao gồm NLD, NSDLĐ, đối tác xã hội và các chủ thể kinh tế nói chung. TLTT là một yếu tố thiết yếu của ĐTXH – là một phương tiện để các công đoàn và NSDLĐ (hoặc các tổ chức của NSDLĐ) ấn định tiền lương và thiết lập các điều khoản, điều kiện làm việc thông qua thương lượng. Tự do lập hội/liên kết cho phép NLD và NSDLĐ thành lập và/hoặc tham gia các tổ chức do họ tự lựa chọn để bảo vệ và cải thiện lợi ích của mình. Khi kết hợp với nhau, TLTT và tự do lập hội/liên kết thúc đẩy những thương lượng công bằng, minh bạch giữa NSDLĐ và NLD (và/hoặc tổ chức tương ứng của họ) và kết quả có lợi cho tất cả các bên, ngăn ngừa tranh chấp lao động và ủng hộ việc làm bền vững. TLTT có thể bao gồm nhiều vấn đề liên quan đến điều kiện làm việc, chẳng hạn như thù lao, thời gian làm việc, đặc quyền và lợi ích, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.⁵

TLTT đóng vai trò tiềm năng rất quan trọng trong thị trường lao động, và đặc biệt trong quản lý thị trường lao động. Nó có thể đóng góp đáng kể vào chất lượng việc làm, và có liên hệ tới các khía cạnh kinh tế và xã hội rộng lớn hơn, chẳng hạn như điều kiện sống và phúc lợi của NLD, tiêu dùng và chi tiêu, hiệu quả kinh tế và tăng năng suất, bất bình đẳng và tranh chấp lao động – cũng như nhiều khía cạnh khác. Do đó, mức độ mà TLTT chi phối các điều khoản và điều kiện việc làm của NLD có tác động đến kết quả của thị trường lao động ở cả cấp độ kinh tế vĩ mô và vi mô.

⁴ Để biết thêm thông tin về các Tiêu chuẩn Lao động Quốc tế về TLTT, hãy truy cập trang web: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/collective-bargaining/lang-en/index.htm>

⁵ Để biết thêm thông tin về TLTT và QHLD, hãy truy cập trang web: <http://www.ilo.ch/global/topics/collective-bargaining-labour-relations/lang-en/index.htm>

2.2. Sử dụng số liệu thống kê TLTT

Do tầm quan trọng của TLTT đối với hiệu suất của thị trường lao động, kết quả kinh tế và sự gắn kết xã hội, việc có được các dữ liệu đáng tin cậy và kịp thời về TLTT để đánh giá độ bao phủ, phạm vi và các đặc điểm chính khác của TLTT là rất quan trọng.

Số liệu thống kê về TLTT cung cấp thông tin về các đặc thù của hệ thống QHLD cũng như khung pháp lý tương ứng. Nó có thể cho phép đánh giá QHLD, xác định các lĩnh vực quan tâm đặc biệt trong thị trường lao động và bối cảnh kinh tế xã hội nói chung, và chỉ ra sự cần thiết phải xem xét các quy định, xây dựng các phương án cải thiện hoặc các chiến dịch nhằm vào những vấn đề nhất định. Số liệu thống kê TLTT cũng hữu ích trong việc đánh giá kết quả của các biện pháp và chính sách cụ thể được thực hiện, và có thể cho thấy sự tiến bộ hoặc suy thoái của QHLD và ĐTXH. Các chỉ số TLTT hợp lệ cho thấy mức độ đảm bảo các điều kiện của NLĐ thông qua thương lượng và ĐTXH, và mức độ mà chúng được quyết định chính thức. Ở khía cạnh này, chúng cũng cho thấy cả những hạn chế có thể có.

Các chỉ số TLTT đáng tin cậy, phù hợp, chính xác và kịp thời là những công cụ có giá trị để hỗ trợ việc xây dựng, thực hiện chính sách và ra quyết định liên quan đến thị trường lao động. Chúng cũng rất hữu ích cho các đối tác xã hội (công đoàn, NSDLĐ và/hoặc tổ chức của NSDLĐ) đang tham gia hoặc chuẩn bị cho TLTT: những số liệu thống kê đó có thể cho thấy phạm vi và kết quả của TLTT trong quá khứ, đồng thời tạo cơ sở cho các cuộc TLTT trong tương lai. Thông tin này (dưới dạng số liệu thống kê) rất quan trọng đối với các bên thương lượng.

2.3. Phạm vi thống kê TLTT

Thống kê TLTT có thể được thực hiện trên phạm vi rộng, bao gồm một loạt các chủ đề liên quan cụ thể đến TLTT, hay rộng hơn là ĐTXH, QHLD, thị trường lao động, bối cảnh kinh tế-xã hội và khung pháp lý.

Về TLTT và cụ thể là TULĐTT, thống kê có thể đề cập đến mọi vấn đề liên quan mức độ bao phủ của TLTT (về số NLĐ được bao phủ, các bên liên quan, các cơ sở được bao phủ, các lĩnh vực kinh tế, khu vực địa lý được bao phủ, v.v...), định dạng thương lượng (bao gồm mức độ thương lượng, mức độ điều phối thương lượng, số bên thương lượng và đặc điểm của các bên thương lượng) cũng như đặc thù của các TULĐTT (ví dụ: sự tồn tại của các điều khoản mở rộng, các chủ đề được thương lượng, kết quả thương lượng và thời hạn của hiệu lực).

Thống kê về định dạng QHLD và tình trạng ĐTXH cũng được quan tâm khi phân tích TLTT. Chúng có thể bao gồm các chỉ số về số đoàn viên công đoàn, loại đoàn viên công đoàn (NLĐ làm công ăn lương, lao động tự tạo việc làm, thất nghiệp, nghỉ hưu, sinh viên), tỷ lệ tham gia công đoàn, số lượng công đoàn và quy mô, số liên minh công đoàn và quy mô (số công đoàn liên kết với nhau và số thành viên của mỗi liên minh), số các loại hiệp hội NLĐ khác và quy mô, số lượng và thời gian đình công/bế xưởng, số NLĐ tham gia đình công/bế xưởng, số ngày không làm việc do đình công/bế xưởng - trong số các chỉ số khác.

Để hiểu tác động của TLTT, cần phân tích TLTT trong bối cảnh của nó. Do đó, điều quan trọng là phải có thông tin phù hợp về thị trường lao động, và đặc biệt là các chỉ số thị trường lao động chính như tỷ lệ việc làm trên dân số, tỷ lệ thất nghiệp, tỷ lệ việc làm dễ bị tổn thương, tỷ lệ việc làm phi chính thức, năng suất lao động, lương trung bình và trung vị, thời gian làm việc trung bình và trung vị, v.v... Điều đặc biệt quan trọng là phải có số liệu thống kê về nhóm tham chiếu cho TLTT, tùy thuộc vào hoàn cảnh, có thể là tổng số người có việc làm (tất cả những người có việc làm, bao gồm lao động tự tạo việc làm và người làm công) hoặc số người có việc làm được trả lương (chỉ tính NLĐ làm công ăn lương - đại diện cho những NLĐ làm công việc được trả lương). Do đó, số liệu thống kê về tổng số người có việc làm và phân phối việc làm theo vị thế việc làm (NLĐ làm công ăn lương so với lao động tự tạo việc làm - nhóm này có thể được chia nhỏ hơn thành NSDLĐ, lao động tự làm, lao động gia đình và xã viên hợp tác xã sản xuất) là rất quan trọng.⁶

Các chỉ số khác về bối cảnh quốc gia cũng có hỗ trợ cho các phân tích TLTT, chẳng hạn như các chỉ số về quy mô nền kinh tế và hiệu quả kinh tế, tăng trưởng kinh tế, các chỉ số về bất bình đẳng và gắn kết xã hội, tỷ trọng lao động trong GDP và chi tiêu cho bảo trợ xã hội.

Đáng chú ý là một hệ thống thông tin TLTT toàn diện sẽ bao gồm cả các chỉ số thống kê (định lượng) và chỉ số định tính (ví dụ, khung pháp lý hoặc các chỉ số quản trị).

Trong phạm vi có thể, dữ liệu nên được phân tách bằng cách sử dụng tất cả các phân tổ có liên quan, vì dữ liệu phân tách xác định chính xác sự khác biệt giữa các nhóm dân cư và khu vực, và cho thấy những thách thức mà các nhóm hoặc khu vực cụ thể phải đối mặt. Các phân tổ hữu ích bao gồm giới tính, tuổi tác, tình trạng lực lượng lao động (có việc làm, thất nghiệp hoặc nằm ngoài lực lượng lao động), vị thế việc làm (NLĐ làm công ăn lương so với lao động tự tạo việc làm), hoạt động kinh tế (ngành), nghề nghiệp, thành thị hoặc nông thôn, lao động nhập cư hoặc lao động trong nước, v.v...

⁶ Các loại việc làm theo vị thế việc làm được đề cập ở đây có nghĩa là các nhóm việc làm theo Phân loại Quốc tế về Vị thế Việc làm 1993. Để biết định nghĩa chi tiết của từng nhóm, hãy tham khảo Nghị quyết Phân loại Quốc tế về Vị thế việc làm (ICSE), được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 15 năm 1993 (có tại trang web: http://www.ilo.ch/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_087562/lan-g-en/index.htm). Phân loại này dự kiến sắp được sửa đổi, để tính đến những phát triển mới nhất trên thị trường lao động. Việc sửa đổi ICSE-93 sẽ được thảo luận tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 20 vào tháng 10 năm 2018.



3 | Các tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ phổ biến về thống kê TLTT

3.1. Nghị quyết về thống kê TULĐTT

Nghị quyết về thống kê TULĐTT, được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 3 năm 1926 thể hiện các tiêu chuẩn quốc tế duy nhất về tổng hợp số liệu thống kê TLTT.⁷ Đáng tiếc là hiện không có tiêu chuẩn quốc tế nào về tổng hợp số liệu thống kê về công đoàn hoặc về các tổ chức của NSDLĐ. Liên quan đến việc thu thập số liệu thống kê về tranh chấp lao động, *Nghị quyết về thống kê đình công, bế xưởng và hành động khác do tranh chấp lao động*, được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 15 năm 1993, là tiêu chuẩn quốc tế chính.⁸

Mặc dù *Nghị quyết về thống kê TULĐTT* có vẻ như đã cũ (nghị quyết này được thông qua gần một thế kỷ trước), nhưng nó vẫn còn phù hợp và các hướng dẫn chính mà Nghị quyết này đưa ra không hề lỗi thời. Nghị quyết này thúc đẩy việc thu thập dữ liệu về phạm vi và nội dung của TULĐTT, bao gồm cả số lượng TULĐTT (có hiệu lực, đã ký kết và hết hạn), số lượng cơ sở được bao phủ bởi TULĐTT và số NLD của các cơ sở này, số NLD được bao phủ, bản chất của các bên ký kết (một NSDLĐ, nhiều NSDLĐ hoặc một/nhiều tổ chức của NSDLĐ và một/nhiều NLD hoặc một/nhiều tổ chức của NLD), phạm vi áp dụng TULĐTT (cơ sở, toàn khu vực, ngành, quốc gia, v.v...), đối tượng áp dụng (tiền lương và thu nhập hoặc các điều kiện làm việc khác), thời hạn hiệu lực của TULĐTT, phương thức ký kết (thương lượng trực tiếp hoặc có sự can thiệp của bên thứ ba), v.v... Những số liệu thống kê này nên được tổng hợp theo định kỳ hàng năm, và có tính đại diện chung cho quốc gia.

Mặc dù không được áp dụng như các tiêu chuẩn quốc tế ở cấp cao hơn, một số các hướng dẫn và tài liệu tham khảo khác về phương pháp luận hỗ trợ cho việc tổng hợp và phổ biến các số liệu thống kê TLTT có thể được sử dụng để tham khảo. Đáng chú ý nhất là *Khung Chỉ số về Việc làm Bền vững* của ILO bao gồm các chỉ số ĐTXH khác nhau, một

⁷ Bản đầy đủ của Nghị quyết về thống kê TULĐTT, được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 3, có tại trang web: https://www.ilo.org/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_087547/lang-en/index.htm

⁸ Bản đầy đủ của Nghị quyết về thống kê đình công, bế xưởng và hành động khác do tranh chấp lao động, được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 15, có tại trang web: https://www.ilo.org/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_087544/lang-en/index.htm

trong số đó liên quan cụ thể đến TLTT (tỷ lệ bao phủ TLTT), và do đó, *Cẩm nang Chỉ số về Việc làm Bền vững* trình bày mô tả phương pháp liên quan.⁹ Ngoài ra, *Khung Thống kê về Đo lường chất lượng việc làm* của UNECE¹⁰ cũng giới thiệu tỷ lệ bao phủ TLTT như là một phần của các chỉ số liên quan đến ĐTXH, và *Cẩm nang Đo lường Chất lượng Việc làm* trình bày một bảng thông tin chi tiết về chỉ số này.¹¹

3.2. Các khái niệm và định nghĩa chính

Sau đây là định nghĩa về các khái niệm chính được sử dụng phổ biến nhất ở cấp độ quốc tế và đại diện cho các thông lệ tốt nhất về phương pháp luận để đưa ra số liệu thống kê TLTT

- **TLTT:** là tất cả các cuộc thương lượng giữa một bên là một NSDLĐ, một nhóm NSDLĐ hay một hoặc nhiều tổ chức của NSDLĐ với bên kia là một hoặc nhiều tổ chức của NLĐ, nhằm: (a) xác lập điều kiện làm việc và điều khoản việc làm; và/hoặc (b) điều chỉnh quan hệ giữa NSDLĐ với NLĐ; và/hoặc (c) điều chỉnh quan hệ giữa NSDLĐ hoặc tổ chức của họ với một hoặc nhiều tổ chức của NLĐ¹². Tuy nhiên, đối với mục đích thống kê, TLTT cần bao gồm việc xác định mức thù lao và các điều khoản và điều kiện việc làm không kém phần quan trọng khác. Điều này nhằm để tránh xảy ra tình trạng không thống nhất dữ liệu có thể phát sinh khi sử dụng số liệu thống kê liên quan đến những TULĐTT điều chỉnh một loạt các điều kiện làm việc có các tác động khác nhau đến cuộc sống của NLĐ. Ví dụ, nếu chúng ta xem xét các TULĐTT thiết lập nên các lợi ích biên nhưng không bao gồm thù lao cơ bản trên thực tế, và nếu các thỏa ước này bao trùm một số lượng lớn NLĐ, chúng ta có thể sẽ đánh giá quyền thương lượng của NLĐ và mức độ đảm bảo điều kiện làm việc chính của họ cao hơn thực tế. Do đó, mặc dù việc có thông tin về tất cả các thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT) cũng mang lại những lợi ích thú vị, nhưng trong thống kê TLTT và đặc biệt là thống kê về tỷ lệ bao phủ TLTT, điều quan trọng là phải tham khảo các nội dung TLTT có tác động mạnh đến điều kiện của NLĐ, ví dụ: thù lao, hoặc các nội dung tương đương khác. Cũng cần lưu ý rằng, theo định nghĩa này, TLTT chỉ liên quan đến NLĐ và NSDLĐ trong quá trình thương lượng, có nghĩa là thương lượng mà có sự tham gia của chính phủ sẽ không được coi là TLTT.
- **TULĐTT:** là thỏa thuận bằng văn bản về điều kiện làm việc và điều khoản việc làm được ký kết giữa một bên là một NSDLĐ, một nhóm NSDLĐ hay một hoặc nhiều tổ chức của NSDLĐ với bên kia là một hoặc nhiều tổ chức đại diện NLĐ. Đối với mục đích thống kê, TULĐTT cần bao gồm việc xác định mức thù lao và các điều khoản, điều kiện quan trọng không kém khác của việc làm. (Xem định nghĩa TLTT ở trên để hiểu rõ về nội dung này).

⁹ Cẩm nang Chỉ số về Việc làm Bền vững - Hướng dẫn dành cho nhà sản xuất và người sử dụng các chỉ số thống kê và khung pháp lý có tại trang web: http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---integrated/documents/publication/wcms_229374.pdf. Chương về ĐTXH, đại diện của NLĐ và NSDLĐ bao gồm các chỉ số thống kê sau: tỷ lệ tham gia công đoàn, tỷ lệ tham gia tổ chức của NSDLĐ, tỷ lệ bao phủ TLTT và số ngày không hoạt động do đình công/bế xưởng. Chương này cũng bao gồm các chỉ số khung pháp lý sau: tự do hiệp hội và quyền tổ chức, quyền TLTT và tham vấn ba bên.

¹⁰ Ủy ban Kinh tế châu Âu của Liên hợp quốc.

¹¹ Để biết thêm thông tin về Khung Thống kê về Đo lường Chất lượng Việc làm, hãy tham khảo Cẩm nang Đo lường Chất lượng Việc làm của UNECE do Nhóm Chuyên gia về Đo lường Chất lượng Việc làm xây dựng, có tại trang web: https://www.unece.org/fileadmin/DAM/stats/publications/2015/ECE_CES_40.pdf

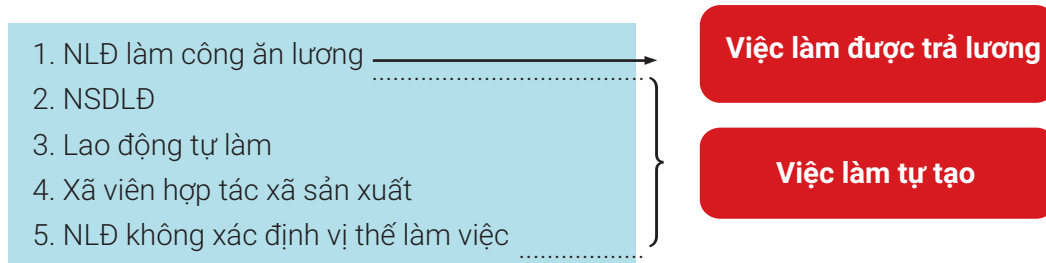
¹² Công ước số 154 của ILO (Công ước về TLTT, 1981), có tại trang web: http://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_INSTRUMENT_ID:312299

- Độ bao phủ của TLTT:** là số NLD mà lương và/hoặc điều kiện làm việc của họ được xác định bởi một hoặc nhiều TULĐTT. Con số này phải bao gồm các cá nhân mà lương và/hoặc điều kiện việc làm được xác định bởi các TULĐTT trên cơ sở mở rộng các thỏa ước đó và tham khảo tất cả các thỏa ước có hiệu lực. Nhóm tham chiếu được sử dụng sẽ xác định loại NLD nào được bao phủ bởi thỏa ước: thông thường, TLTT chỉ được nghiên cứu đối với NLD được trả lương (nghĩa là NLD làm công ăn lương, do đó không bao gồm lao động tự tạo việc làm) và trong trường hợp này, “độ bao phủ TLTT” có nghĩa là số NLD được bao phủ bởi một hoặc nhiều TULĐTT. Tuy nhiên, cũng có thể mở rộng phạm vi và sử dụng nhóm tham chiếu là tổng số người có việc làm, trong trường hợp đó, “bao phủ TLTT” có nghĩa là tất cả những người có việc làm (dù là NLD làm công ăn lương hay lao động tự tạo việc làm) được bao phủ bởi một hoặc nhiều TULĐTT. Cần xác định rõ nhóm tham chiếu được sử dụng cho thống kê và loại NLD nào được đưa vào phân tích/tính toán. Đáng chú ý là một NLD có thể được bao phủ bởi một hoặc nhiều hơn một TULĐTT, và do đó, cần thận trọng để tránh trùng lặp khi tính toán và đảm bảo rằng số liệu thống kê về độ bao phủ TLTT thực sự đề cập đến số NLD được bao trùm bởi ít nhất một TULĐTT (chứ không phải là tổng số cộng dồn NLD được bao phủ theo từng thỏa ước). Bao phủ TLTT cần bao gồm tất cả NLD được bao trùm bởi ít nhất một TULĐTT có hiệu lực, bất kể ngày ký kết thỏa ước là ngày nào. Do đó, những NLD được bao trùm bởi một TULĐTT đã ký kết trước thời hạn tham chiếu của số liệu thống kê nhưng vẫn còn hiệu lực trong giai đoạn tham chiếu này của số liệu thống kê cần được đưa vào thống kê TLTT (điều này quan trọng hơn trong trường hợp các thỏa ước thường có hiệu lực trong vài năm).
- Tỷ lệ bao phủ TLTT:** được tính bằng số NLD được bao trùm bởi TLTT chia cho tổng số NLD và nhân với 100, tỷ lệ này thể hiện tỷ trọng NLD được bao trùm bởi TLTT. Các nhóm tham chiếu khác nhau có thể được sử dụng để tính đến sự phân khúc thị trường lao động và/hoặc khung pháp lý (xem phần 3.3 để biết thêm chi tiết về nội dung này). Cách phổ biến nhất (và trong hầu hết các trường hợp cũng là cách phù hợp nhất) để tính tỷ lệ bao phủ TLTT là tính tỷ lệ NLD được bao trùm bởi một hoặc nhiều TULĐTT. Tuy nhiên, trong các bối cảnh cụ thể hoặc khi tính đến các thách thức về tính sẵn có của dữ liệu, có thể sử dụng tỷ lệ người có việc làm (bao gồm cả NLD làm công ăn lương và lao động tự tạo việc làm) được bao trùm bởi một hoặc nhiều TULĐTT. Tử số và mẫu số của tỷ lệ phải liên quan đến cùng một thời gian tham chiếu và khu vực tham chiếu và có cùng nhóm tham chiếu: nếu bao phủ TLTT được coi là số NLD làm công ăn lương được bao trùm bởi một hoặc nhiều TULĐTT, thì tổng số NLD làm công ăn lương phải được sử dụng làm mẫu số. Trong trường hợp bao phủ TLTT được coi là số người có việc làm (cho dù là NLD làm công ăn lương hay lao động tự tạo việc làm) được bao trùm bởi một hoặc nhiều TULĐTT, thì mẫu số thích hợp sẽ là tổng số người có việc làm. Nếu dữ liệu cho tử số chỉ bao gồm một số khu vực địa lý hoặc một số hoạt động kinh tế (ví dụ, nó chỉ đề cập đến các khu vực đô thị hoặc các hoạt động phi nông nghiệp) thì mẫu số phải có cùng độ bao phủ để đảm bảo kết quả chính xác. Cũng có thể tính tỷ lệ bao phủ TLTT trong phạm vi quyền TLTT- có tính đến khung pháp lý về bao phủ TLTT theo luật. Thông thường, có một số nhóm NLD không có quyền TLTT, và trong những trường hợp như vậy, các nhóm này có thể được loại trừ khỏi mẫu số của tỷ lệ bao phủ TLTT để giới hạn nhóm tham chiếu ở những NLD thực sự được bao trùm bởi TLTT. Tỷ lệ bao phủ TLTT được tính theo cách này sẽ thể hiện tỷ trọng NLD có thể được bao trùm bởi TLTT là những người có quyền được bao trùm. Nếu sự điều chỉnh như vậy được áp dụng, thì nó nên

được áp dụng một cách có hệ thống và nhất quán, và được nêu rõ trong bộ siêu dữ liệu đi kèm số liệu thống kê.

- **NLĐ làm công ăn lương:** là NLĐ nắm giữ loại công việc được xác định là công việc được trả lương. Việc làm được trả lương là những công việc mà người thực hiện nó có hợp đồng rõ ràng (bằng văn bản hoặc bằng miệng) hoặc hợp đồng lao động ngầm mang lại cho họ một khoản thù lao cơ bản không phụ thuộc trực tiếp vào doanh thu của đơn vị họ làm việc (cho dù đó là doanh nghiệp, tổ chức phi lợi nhuận, cơ quan chính phủ hoặc một hộ gia đình).¹³
- **Việc làm:** là công việc được thực hiện cho người khác để đổi lấy tiền lương hoặc lợi nhuận.¹⁴ Việc làm bao gồm việc làm được trả lương (nghĩa là NLĐ có việc làm mang lại cho họ mức thù lao cơ bản độc lập với doanh thu của đơn vị kinh tế sử dụng lao động) và việc làm tự tạo (nghĩa là người có việc làm phụ thuộc trực tiếp vào lợi nhuận thu được từ hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra).
- **Việc làm theo vị thế việc làm:** là phân loại việc làm theo vị thế việc làm, trong đó đề cập đến các đặc điểm công việc cụ thể như loại hợp đồng lao động rõ ràng hoặc ngầm, loại rủi ro kinh tế (bao gồm cả sự gắn bó giữa con người và công việc) và loại thẩm quyền đối với các cơ sở và NLĐ khác. Tiêu chuẩn quốc tế mới nhất về phân loại việc làm theo vị thế việc làm là Phân loại quốc tế về Vị thế việc làm năm 1993 (ICSE-93). Các nhóm trong ICSE-93 được xác định dựa trên sự khác biệt giữa việc làm được trả lương (công việc mang lại mức thù lao cơ bản độc lập với doanh thu của đơn vị kinh tế sử dụng lao động) và việc làm tự tạo (công việc mà thù lao phụ thuộc trực tiếp vào lợi nhuận thu được từ hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra).

Dưới đây là các nhóm trong tiêu chuẩn ICSE-93:



- ICSE-93 dự kiến sẽ được sửa đổi trong tương lai gần để tính đến những phát triển gần đây của thị trường lao động, bao gồm thay đổi trong sắp xếp việc làm, sự gia tăng của các hình thức việc làm không theo chuẩn và ranh giới mờ nhạt giữa việc làm được trả lương và việc làm tự tạo. Việc sửa đổi ICSE-93 sẽ được thảo luận trong Hội nghị Quốc tế về Thống kê Lao động lần thứ 20 vào tháng 10 năm 2018¹⁵.

¹³ Theo *Nghị quyết Phân loại Quốc tế về Vị thế việc làm* (ICSE), được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 15 năm 1993 (có tại trang web: http://www.ilo.ch/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_087562/lan-g-en/index.htm), dự kiến sắp được sửa trong tương lai gần.

¹⁴ Theo định nghĩa trong *Nghị quyết về thống kê việc làm, tuyển dụng và sử dụng lao động dưới công suất*, được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 19 năm 2013, có tại trang web: https://www.ilo.org/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_230304/lan-g-en/index.htm

¹⁵ Theo định nghĩa trong *Nghị quyết về thống kê việc làm, tuyển dụng và sử dụng lao động dưới công suất*, được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ 19 năm 2013, có tại trang web: http://www.ilo.ch/global/statistics-and-databases/standards-and-guidelines/resolutions-adopted-by-international-conferences-of-labour-statisticians/WCMS_087562/lan-g-en/index.htm

- **Mở rộng TULĐTT:** các điều khoản xác định rằng TULĐTT được áp dụng cho tất cả NLĐ trong cơ sở, ngành kinh tế hoặc khu vực địa lý tương ứng và không chỉ cho những người được bên thương lượng bảo vệ. Nói cách khác, khi có sự mở rộng TULĐTT, những NLĐ hoặc NSDLĐ không phải là thành viên của các bên thương lượng cũng sẽ tự động được bao trùm bởi các thỏa ước được đề cập.
- **Cấp thương lượng:** là cấp nơi diễn ra thương lượng (cấp công ty, cấp nhiều công ty (cùng một lúc), cấp ngành hoặc cấp quốc gia).
- **Mức độ điều phối TLTT:** mức độ điều phối giữa các bên tham gia thương lượng. Thông thường việc tích hợp các cấp thương lượng và đơn vị thương lượng khác nhau sẽ ngăn không cho các bên thương lượng chặn mục đích của bên kia hoặc cản trở vị thế thương lượng của bên kia.
- **Công đoàn:** là một tổ chức độc lập của NLĐ được thành lập với mục đích cải thiện và bảo vệ lợi ích của NLĐ.
- **Số đoàn viên công đoàn:** là tổng số người tham gia vào một tổ chức công đoàn. Sự tham gia của một người vào một tổ chức công đoàn có thể liên quan đến việc nộp công đoàn phí, nhưng tiêu chí nộp công đoàn phí không nhất thiết luôn được sử dụng để đo lường số đoàn viên công đoàn. Nhóm tham chiếu được sử dụng sẽ xác định có những loại đoàn viên công đoàn nào: thông thường số đoàn viên công đoàn chỉ được nghiên cứu đối với việc làm được trả lương (nghĩa là NLĐ làm công ăn lương, do đó không bao gồm lao động tự tạo việc làm và người không có việc làm), và trong những trường hợp này, “số đoàn viên công đoàn” chỉ đề cập đến số NLĐ làm công ăn lương thuộc về một hoặc nhiều công đoàn. Tuy nhiên, cũng có thể mở rộng phạm vi và sử dụng tổng số NLĐ có việc làm làm nhóm tham chiếu, trong trường hợp đó, “số đoàn viên công đoàn” sẽ đề cập đến tất cả những người có việc làm (cho dù là NLĐ làm công ăn lương hay lao động tự tạo việc làm) thuộc về một tổ chức công đoàn. Có thể mở rộng phạm vi bao phủ hơn nữa để bao gồm toàn bộ dân số trong độ tuổi lao động, tức là không chỉ những người có việc làm mà cả những người thất nghiệp hoặc nằm ngoài lực lượng lao động; trong trường hợp đó, “số đoàn viên công đoàn” sẽ đề cập đến tất cả những người trong độ tuổi lao động là thành viên của một tổ chức công đoàn (bao gồm người có việc làm, thất nghiệp, sinh viên và người đã nghỉ hưu có tham gia vào một công đoàn). Cần xác định rõ nhóm tham chiếu được sử dụng cho thống kê và loại NLĐ nào được đưa vào phân tích/tính toán. Cần thận trọng để chỉ xem xét những người hiện đang tham gia vào một tổ chức công đoàn, tránh tính hai lần những người tham gia nhiều hơn một công đoàn hoặc những người đã thay đổi tổ chức công đoàn, và không tính những người trước đây từng là đoàn viên công đoàn nhưng hiện giờ đã ra khỏi công đoàn.
- **Tỷ lệ tham gia công đoàn:** được tính bằng số đoàn viên công đoàn chia cho tổng số NLĐ và nhân với 100, tỷ lệ này thể hiện tỷ trọng NLĐ tham gia công đoàn. Các nhóm tham chiếu khác nhau có thể được sử dụng để tính đến sự phân khúc của thị trường lao động và/hoặc khung pháp lý. Tử số và mẫu số của tỷ lệ này phải liên quan đến cùng một thời gian tham chiếu và khu vực tham chiếu, và có cùng nhóm tham chiếu: nếu số đoàn viên công đoàn được coi là số NLĐ làm công ăn lương tham gia vào một công đoàn, thì tổng số NLĐ làm công ăn lương phải được sử dụng làm mẫu số,

nhưng nếu số đoàn viên công đoàn được coi là số người có việc làm (cho dù là NLD làm công ăn lương hay lao động tự tạo việc làm) tham gia công đoàn, thì mẫu số thích hợp sẽ là tổng số NLD có việc làm. Mặc dù có thể nghiên cứu số đoàn viên công đoàn theo loại thành viên, và với thông tin về số đoàn viên công đoàn không có việc làm (thất nghiệp, nghỉ hưu, sinh viên), nhưng khi tính toán tỷ lệ tham gia công đoàn thì số thành viên không có việc làm phải luôn được loại bỏ khỏi tử số¹⁶. Nếu dữ liệu cho tử số chỉ bao gồm một số khu vực địa lý hoặc một số hoạt động kinh tế (ví dụ, nó chỉ đề cập đến các khu vực đô thị hoặc các hoạt động phi nông nghiệp) thì mẫu số phải có cùng độ bao phủ để đảm bảo kết quả chính xác. Cũng có thể tính tỷ lệ tham gia công đoàn trong phạm vi quyền công đoàn (tự do lập hội/liên kết), nghĩa là có tính đến khung pháp lý và đặc biệt là độ bao phủ của quyền công đoàn: trong đó một số nhóm NLD không có quyền tham gia hoặc thành lập công đoàn, họ có thể bị loại trừ khỏi mẫu số của tỷ lệ tham gia công đoàn để có được một tỷ lệ thể hiện tỷ trọng NLD tham gia vào một công đoàn trong số những người được hưởng quyền tự do lập hội/liên kết. Nếu sự điều chỉnh như vậy được áp dụng, thì nó nên được áp dụng một cách có hệ thống và nhất quán, và được nêu rõ trong bộ siêu dữ liệu đi kèm số liệu thống kê.

- **NLD bị loại trừ quyền TLTT:** là những NLD không có quyền TLTT theo luật định.
- **NLD bị loại trừ quyền tự do lập hội/liên kết:** là những NLD không có quyền tham gia hoặc thành lập công đoàn theo luật định.

3.3. Các chỉ số chính về TLTT

3.3.1. Tỷ lệ bao phủ TLTT: chỉ số thống kê chính

Tỷ lệ bao phủ TLTT thể hiện số NLD được bao trùm bởi ít nhất một TULĐTT, được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm lực lượng lao động đủ điều kiện, có thể được định nghĩa là số NLD được trả lương, tổng số NLD có việc làm, số NLD có quyền TLTT, v.v... Số liệu thống kê về con số tuyệt đối NLD được bao trùm bởi TLTT - mặc dù rất hữu ích cho một số mục đích - không thể hiện nhiều về vai trò của TLTT trong quản lý thị trường lao động hoặc mức độ mà TULĐTT điều chỉnh các điều kiện của NLD. Việc thể hiện số NLD được bao phủ bởi TLTT bằng tỷ lệ NLD trên tổng số NLD trong nhóm tham chiếu giúp đưa ra thông tin về tầm quan trọng thực sự của TLTT trong thị trường lao động và tác động thực sự của TLTT đối với nhóm dân số trong độ tuổi lao động. Việc giải thích các mô hình và xu hướng của số NLD được bao phủ bởi TLTT sẽ dễ dàng hơn nếu nó được biểu thị bằng tỷ lệ nhóm này trên tổng số NLD thay vì bằng con số tuyệt đối. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ TLTT sẽ phản ánh quốc gia đó áp dụng loại quy định về lao động nào và cung cấp một số dấu hiệu về việc thực hiện quyền TLTT.

Tuy nhiên, cho dù chỉ số này có vẻ đơn giản, việc tính toán nó dẫn đến một số vấn đề về phương pháp và đòi hỏi phải đưa ra một số quyết định, đặc biệt là về nhóm tham chiếu được sử dụng. Để đảm bảo tính thống nhất và chính xác của tỷ lệ này, tử số và mẫu số

¹⁶ Điều này là để đảm bảo sự thống nhất giữa tử số và mẫu số. Tỷ lệ tham gia công đoàn thể hiện một tỷ trọng (tỷ lệ NLD làm công ăn lương hoặc NLD có việc làm tham gia công đoàn), do đó, tử số phải nằm trong mẫu số. Cho dù mẫu số được sử dụng là tổng số NLD làm công ăn lương hay tổng số NLD có việc làm, thì những đoàn viên công đoàn thất nghiệp, đã nghỉ hưu, sinh viên hoặc không có việc làm vì bất kỳ lý do nào khác sẽ không được bao gồm trong mẫu số và do đó cũng không nằm trong tử số. Việc đưa họ vào tử số sẽ làm tăng tỷ lệ một cách không chính xác.

phải đề cập (trong phạm vi có thể) cùng một khoảng thời gian, cùng một khu vực địa lý, cùng hoạt động kinh tế, cùng loại đơn vị kinh tế, cùng quy mô cơ sở và đặc biệt, cùng một nhóm tham chiếu.

Như đã nêu ở trên, tỷ lệ bao phủ TLTT nhằm mục đích thể hiện tỷ trọng NLD được bao trùm bởi TLTT trong lực lượng lao động đủ điều kiện. Điều này đặt ra thách thức trong việc xác định một cách chính xác những nhóm NLD nào nên nằm trong lực lượng lao động đủ điều kiện (và xác định tử số, nghĩa là số NLD được bao phủ bởi TLTT, mà phải sử dụng cùng nhóm tham chiếu như mẫu số).

Nhóm tham khảo được sử dụng phổ biến nhất cho nghiên cứu TLTT là số NLD được trả lương, tức là tất cả NLD làm công ăn lương (không bao gồm lao động tự tạo việc làm). Việc giới hạn phân tích về bao phủ TLTT ở nhóm NLD làm công ăn lương là hợp lý bởi thực tế là trong lịch sử, TLTT hầu như chỉ tập trung vào NLD làm công ăn lương. Mặc dù điều này đang bắt đầu thay đổi, nhưng ở nhiều quốc gia, TLTT vẫn chủ yếu liên quan đến NLD làm công ăn lương chứ không tính đến những lao động tự tạo việc làm.

Tuy nhiên, ở một số quốc gia (đặc biệt là ở các nước đang phát triển) việc làm được trả lương không đạt chuẩn, và các loại hình tự làm chủ như NLD có tài khoản riêng và lao động gia đình chiếm một phần đáng kể trong tổng số việc làm.

Ngoài ra, sự phát triển thị trường lao động gần đây đã dẫn đến sự gia tăng các hình thức việc làm không theo chuẩn ngay cả ở các nước phát triển, nhấn mạnh sự cần thiết phải TLTT để mở rộng phạm vi đến tất cả những người làm việc thay vì chỉ tập trung vào NLD làm công ăn lương. Ở nhiều quốc gia, điều này trước hết có ý nghĩa là phải đảm bảo tất cả NLD - cả NLD làm công ăn lương và tất cả các loại lao động tự tạo việc làm - đều có quyền TLTT.

Để có một bức tranh rõ nét hơn về mức độ mà tất cả NLD (chứ không chỉ NLD làm công ăn lương) được bao phủ bởi TLTT, tốt nhất nên sử dụng tổng số NLD có việc làm làm nhóm tham chiếu cho tỷ lệ bao phủ TLTT. Trong bối cảnh mà việc làm được trả lương là tiêu chuẩn, đại diện cho phần lớn trong tổng số việc làm, sự khác biệt giữa tỷ lệ bao phủ TLTT giữa NLD làm công ăn lương và tỷ lệ bao phủ TLTT giữa tất cả lao động tự tạo việc làm sẽ khá nhỏ, nhưng nếu tỷ lệ việc làm tự tạo càng cao trong tổng số việc làm, thì sự khác biệt này sẽ càng lớn, và do đó, việc tính hai tỷ lệ này càng quan trọng hơn. Việc so sánh hai tỷ lệ sẽ cung cấp thông tin có giá trị về sự phân khúc thị trường lao động, và chỉ ra sự cần thiết phải đảm bảo rằng TLTT bao trùm tất cả NLD, cả trong pháp luật lẫn trên thực tế.

Có những quốc gia nơi một số nhóm NLD cụ thể bị pháp luật loại trừ quyền TLTT. Trong bối cảnh đó, tỷ lệ bao phủ TLTT được biểu thị bằng tỷ lệ phần trăm của NLD được trả lương hoặc tổng số NLD có việc làm thể hiện một dấu hiệu quý báu về mức độ mà NLD có việc làm hoặc NLD làm công ăn lương có điều kiện làm việc của mình được xác định thông qua TLTT, bất kể họ có thực sự có quyền TLTT hay không. Tuy nhiên, để đánh giá mức độ bao phủ của TLTT trong lực lượng lao động mà nó thực sự bao trùm, số NLD không có quyền TLTT theo luật định nên được loại trừ khỏi mẫu số của tỷ lệ bao phủ TLTT. Sự điều chỉnh mẫu số này có ý nghĩa nhất khi sử dụng số NLD được trả lương làm nhóm tham chiếu cho tỷ lệ bao phủ TLTT, vì ở nhiều quốc gia TLTT chỉ áp dụng cho NLD làm công ăn lương.

Ba biến thể của tỷ lệ bao phủ TLTT (tỷ lệ NLD làm công ăn lương được bao phủ bởi TLTT, tỷ lệ NLD có việc làm được bao phủ bởi TLTT và tỷ lệ NLD có quyền TLTT được bao phủ bởi TLTT) là những chỉ số khai sáng cung cấp những thông tin có giá trị, mặc dù khác nhau. Nếu có sẵn dữ liệu, nó có thể giúp ích cho việc tính toán cả ba tỷ lệ trên và không chỉ phiên giải từng tỷ lệ, mà cả sự khác biệt giữa các tỷ lệ. Ở đây, điều quan trọng là phải nêu rõ từng tỷ lệ đề cập đến điều gì, để hiểu rõ hơn các số liệu thống kê và tránh nhầm lẫn. Việc cùng phân tích ba tỷ lệ này trả lời các câu hỏi như: sự phân khúc thị trường lao động có gây trở ngại cho các điều kiện của NLD không? Ở mức độ nào thì bao phủ TLTT bị pháp luật hạn chế? Bao phủ TLTT thấp là do số NLD được bao trùm thấp (ít TULĐTT được ký kết, chỉ bao trùm một số cơ sở và các cơ sở nhỏ, v.v...) hay do phạm vi hạn chế của TLTT (ví dụ, TLTT chỉ có thể bao trùm NLD là công ăn lương trong khu vực tư nhân chính thức, trong bối cảnh đại đa số NLD có việc làm là lao động tự làm hoặc lao động gia đình)? Khi chỉ có một tỷ lệ bao phủ TLTT được sử dụng, phương pháp tính toán được chọn và nhóm tham chiếu phải được xác định rõ ràng. Để đảm bảo tính mạnh mẽ và thống nhất của số liệu thống kê, phải luôn luôn đề cập đến cùng một loại tỷ lệ. Ba biến thể của tỷ lệ bao phủ TLTT được giải thích chi tiết hơn dưới đây.

Tỷ trọng NLD làm công ăn lương được bao phủ bởi TLTT

Phương pháp được sử dụng phổ biến nhất để tính tỷ lệ bao phủ TLTT là tính tỷ trọng NLD làm công ăn lương có điều kiện làm việc được xác định bởi một hoặc nhiều TULĐTT, nghĩa là số NLD làm công ăn lương được bao trùm bởi TLTT dưới dạng tỷ lệ phần trăm trên tổng số NLD làm công ăn lương.

Số NLD được bao phủ bởi TLTT:

$$\text{Tỷ lệ bao phủ bởi TLTT} = \frac{\text{NLD làm công ăn lương được bao phủ bởi TLTT}}{\text{Tổng số NLD làm công ăn lương}} \times 100$$

Công thức này là hợp lý ở các quốc gia nơi việc làm được trả lương chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng số việc làm, điển hình là các nước phát triển. Hơn nữa, về nguyên tắc, có vẻ hợp lý nếu loại trừ việc làm dễ bị tổn thương (bao gồm NLD tự làm và lao động gia đình - liên quan nhiều đến tính phi chính thức) ra khỏi nhóm tham chiếu khi phân tích bao phủ TULĐTT - về bản chất, là loại thỏa thuận chính thức.

Trong trường hợp một số loại NLD tự tạo việc làm được bao phủ bởi TLTT, cần thận trọng để loại bỏ họ ra khỏi tử số của tỷ lệ bao phủ TLTT khi mẫu số là tổng số NLD làm công ăn lương. Để thống nhất giữa tử số và mẫu số, chỉ nên sử dụng số NLD làm công ăn lương được bao phủ bởi TLTT.

Tỷ trọng NLD có việc làm được bao phủ bởi TLTT

Một cách khác để tính tỷ lệ bao phủ TLTT là thể hiện số NLD có việc làm (dù là việc làm được trả lương hay việc làm tự tạo) mà điều kiện làm việc của họ được xác định bởi một hoặc nhiều TULĐTT dưới dạng tỷ lệ phần trăm trên tổng số NLD có việc làm. Cách tính này hiếm khi được sử dụng, vì TLTT chủ yếu là một cơ chế thiết lập tiền lương, do đó, trước giờ chỉ tập trung vào NLD làm công ăn lương (NLD được trả lương). Tuy nhiên, khi thị trường lao động và các mối quan hệ công việc thay đổi và

các hình thức việc làm không theo chuẩn xuất hiện, việc phải đảm bảo rằng tất cả NLĐ đều có quyền TLTT ngày càng cần thiết hơn. Do đó, cách tính này được đưa ra thảo luận để giúp đo lường trường hợp này.

$$\text{Tỷ lệ bao phủ bởi TLTT 2} = \frac{\text{NLĐ làm công ăn lương được bao phủ bởi TLTT}}{\text{Tổng số NLĐ có việc làm}} \times 100$$

Bằng cách cân nhắc tất cả những NLĐ có việc làm, chỉ số này có thể cung cấp một bức tranh tốt hơn về bao phủ TLTT ở các quốc gia có mức độ việc làm dễ bị tổn thương cao và/hoặc việc làm không chính thức cao.¹⁷ Ngoài ra, việc đưa lao động tự làm, lao động gia đình và NLĐ tự tạo việc làm nói chung vào tính toán tỷ lệ bao phủ TLTT cũng có thể hữu ích ở các nước phát triển - nơi từ trước tới nay các việc làm được trả lương là phổ biến hơn và các việc làm tự tạo chỉ mới bắt đầu xuất hiện.

Mặc dù tỷ lệ bao phủ TLTT được tính toán cho nhóm NLĐ làm công ăn lương là rất phù hợp để nghiên cứu các xu hướng và mô hình TLTT trong nhiều bối cảnh, và các thông lệ thống kê trên thế giới đều đề cập đến việc sử dụng nhóm tham chiếu này, bất cứ khi nào có sẵn dữ liệu về tất cả NLĐ có việc làm, người ta vẫn mong muốn tính toán tỷ lệ này cho tất cả những người có việc làm. Việc phổ biến (và phiên giải) hai tỷ lệ này cùng nhau sẽ làm sáng tỏ tính dễ bị tổn thương của những NLĐ tự tạo việc làm - là những người có điều kiện làm việc ít có khả năng được xác định thông qua các cuộc TLTT. Trong trường hợp NLĐ tự tạo việc làm hoàn toàn không được bao phủ bởi TLTT, tử số của tỷ lệ bao phủ TLTT đối với NLĐ làm công ăn lương sẽ giống như tử số của tỷ lệ bao phủ TLTT đối với tất cả NLĐ có việc làm, trong khi mẫu số sẽ khác nhau, do đó tiết lộ sự bất bình đẳng của những người tự tạo việc làm (đặc biệt là lao động tự làm và lao động gia đình) và cho thấy một bức tranh tốt hơn về thực tế thị trường lao động. Trong trường hợp một số nhóm NLĐ tự tạo việc làm thực sự được bao phủ bởi TLTT, họ nên được đưa vào tử số của tỷ lệ bao phủ TLTT bằng cách sử dụng tổng số NLĐ có việc làm làm nhóm tham chiếu.

Tỷ trọng NLĐ có quyền TLTT được bao phủ bởi TLTT

Không có gì lạ khi có một số nhóm NLĐ làm công ăn lương hoặc một số lĩnh vực hoạt động bị loại trừ quyền TLTT một cách hợp pháp. Tỷ lệ bao phủ TLTT có thể phản ánh điều này, bằng cách chỉ tính đến những NLĐ làm công ăn lương thực sự có quyền TLTT trong mẫu số của phép tính. Một số ví dụ về các nhóm NLĐ có thể bị pháp luật loại bỏ quyền này là NLĐ khu vực công, cảnh sát hoặc lực lượng vũ trang. Tỷ lệ bao phủ TLTT được điều chỉnh theo quyền TLTT cho thấy rõ hơn về tác động thực sự hoặc sự lan tỏa của TLTT trong phạm vi tiềm năng của nó - tức là các lực lượng lao động mà nó thực sự có thể bao trùm.

$$\text{Tỷ lệ bao phủ bởi TLTT 3} = \frac{\text{NLĐ làm công ăn lương được bao phủ bởi TLTT}}{\text{NLĐ làm công ăn lương có quyền TLTT}} \times 100$$

¹⁷ Mặc dù số NLĐ có việc làm không chính thức bao gồm NLĐ làm công ăn lương thực hiện việc làm phi chính thức và NLĐ trong các doanh nghiệp khu vực phi chính thức, nhưng phần lớn việc làm phi chính thức thường nằm ngoài phạm vi việc làm được trả lương.

Tuy nhiên, việc tính toán tỷ lệ cụ thể này đòi hỏi phải có thông tin chính xác về khung pháp lý làm cơ sở cho TLTT cũng như dữ liệu đáng tin cậy về số lượng NLD trong mỗi nhóm cụ thể bị loại trừ quyền TLTT.

Khi thực hiện một phân tích so sánh về tỷ lệ bao phủ TLTT theo thời gian hoặc giữa các quốc gia, có thể nên hạn chế điều chỉnh các số liệu đối với quyền TLTT. Trên thực tế, khung pháp lý giữa quốc gia khác biệt rất nhiều, và sự sẵn có của thông tin chi tiết về luật lao động cũng vậy, do đó khả năng so sánh dữ liệu ở cấp độ quốc tế có thể bị cản trở khi cố gắng áp dụng điều chỉnh này. Các vấn đề về tính sẵn có và độ tin cậy của dữ liệu cũng có thể ảnh hưởng đến mức độ phù hợp của chuỗi thời gian khi cố gắng điều chỉnh các số liệu theo thời gian. Ngoài ra, những thay đổi trong việc loại trừ hợp pháp quyền TLTT của một số nhóm NLD sẽ ảnh hưởng đến mẫu số của tỷ lệ bao phủ TLTT được điều chỉnh, ngay cả khi tử số vẫn giữ nguyên. Điều này có thể gây hiểu nhầm, vì sự thay đổi trong tỷ lệ bao phủ TLTT có thể được hiểu là sự thay đổi số lượng NLD thực sự được bao phủ, trong khi đó cái thay đổi là lĩnh vực tiềm năng cho TLTT.

Nếu tất cả các thông tin pháp lý cần thiết và số liệu thống kê chi tiết về số NLD trong mỗi nhóm bị loại trừ quyền TLTT thực sự có sẵn, thì có thể sẽ rất thú vị khi tính tỷ lệ bao phủ TLTT trong lực lượng lao động đủ điều kiện, nghĩa là chỉ sử dụng NLD làm công ăn lương có quyền TLTT làm mẫu số. Tuy nhiên, tỷ lệ bao phủ đối với tất cả NLD làm công ăn lương (kể cả những người không có quyền TLTT) cũng là một thông tin hữu ích, cho phép người ta đánh giá tác động của TLTT đối với tất cả những người có việc làm được trả lương hoặc có việc làm nói chung và đưa ra một dấu hiệu về mức độ mà TLTT chi phối thị trường lao động. Vì vậy, sẽ rất hữu ích khi phổ biến cả hai loại tỷ lệ này (được điều chỉnh theo quyền TLTT và không được điều chỉnh). Như vậy, một lần nữa, việc phải nêu rõ từng tỷ lệ đề cập đến điều gì, và hướng dẫn người đọc thông qua việc phiên giải từng tỷ lệ và sự khác biệt giữa chúng là vô cùng cần thiết.

3.3.2. Các chỉ số định tính (khung pháp lý)

Có những khía cạnh định tính quan trọng của TLTT mà tỷ lệ bao phủ TLTT không chuyển tải được, trong đó đáng chú ý nhất là mức độ phổ biến của thương lượng, mở rộng TULĐTT và mức độ điều phối thương lượng, nhưng cũng có những nội dung khác như bản chất của các bên ký kết, và các đối tượng chịu quy định. Quyền TLTT (và phạm vi của nó) là một khía cạnh định tính quan trọng khác trong nghiên cứu về QHLD. Mặc dù phạm vi quyền TLTT phần nào được thể hiện thông qua việc sử dụng tỷ lệ bao phủ TLTT không bao gồm NLD không có quyền TLTT trong mẫu số so với tỷ lệ có nhóm này trong mẫu số, nhưng vẫn nên có một chỉ số về khung pháp lý đối với quyền TLTT. Điều quan trọng là luôn phải nhớ rằng ngay cả khi nghiên cứu về bao phủ TLTT cung cấp một số dấu hiệu về tình trạng TLTT, nó không thể hiện được chất lượng của TLTT, cũng không phản ánh kết quả của các cuộc thương lượng.

3.3.2.1. Quyền thương lượng tập thể

Sự thừa nhận một cách hiệu quả quyền TLTT là một quyền cơ bản trong lao động. Nó phải được đảm bảo để chắc chắn rằng NLD và NSDLĐ và đại diện của họ có thể thương lượng các điều khoản và điều kiện việc làm. Quyền này không thể tách rời khỏi quyền tổ chức hoặc quyền công đoàn. Điều quan trọng là phải biết liệu quyền này có được đảm

bảo không và các nhóm nào bị tước bỏ quyền này, nếu có. Cũng cần đánh giá việc áp dụng và thực hiện quyền này ở những nơi nó tồn tại.

Như đã nêu ở trên, mẫu số của tỷ lệ bao phủ TLTT có thể được điều chỉnh để chỉ tính đến những người có quyền TLTT. Tuy nhiên, sự điều chỉnh này cũng có thể dẫn đến một bức tranh méo mó về ảnh hưởng của TLTT đối với nhóm dân số có việc làm. Ngay cả khi sự điều chỉnh này được thực hiện chính xác, dữ liệu sẽ vẫn không phản ánh mức độ mà quyền TLTT thực sự được tôn trọng. Vì vậy, điều quan trọng là luôn luôn xem xét khung pháp lý quốc gia và tình huống trong thực tế khi phiên giải tỷ lệ bao phủ TLTT và kết hợp nó với các chỉ số định tính có liên quan.

3.3.2.2. Cấp TLTT

Cấp phổ biến nơi TLTT diễn ra là một đặc điểm chính của hệ thống QHLD. Cấp ký kết các TULĐTT tức là nơi diễn ra các cuộc thương lượng và phạm vi tham gia của các bên thương lượng, liên quan đến các mặt: sở hữu được bao trùm, số hoạt động kinh tế được bao trùm và số khu vực địa lý được bao trùm. Các thỏa ước có thể được ký kết ở cấp doanh nghiệp (chỉ bao gồm các doanh nghiệp hoặc cơ sở cụ thể được đề cập), cấp ngành (bao gồm tất cả các cơ sở hoặc đơn vị kinh tế trong cùng ngành), cấp liên ngành (bao gồm tất cả các cơ sở hoặc đơn vị kinh tế trong một số ngành cụ thể), hoặc cấp quốc gia (bao gồm tất cả các cơ sở hoặc đơn vị kinh tế trong nước) - trong số những cấp khác. Cấp diễn ra thương lượng có liên quan chặt chẽ với độ bao phủ của các thỏa ước: cấp thương lượng càng cao thì thường liên quan đến mức độ bao phủ TLTT cao hơn. Do đó, thông qua tác động của nó đối với mức độ bao phủ TLTT, cấp thương lượng có ảnh hưởng đáng kể đến các điều kiện của NLD, và do đó, điều quan trọng là phải có thông tin chính xác về cấp thương lượng dưới dạng một chỉ số định tính.

Đáng chú ý là, TLTT hiếm khi chỉ diễn ra ở một cấp duy nhất. Nó thường được thực hiện ở hai cấp trở lên cùng một lúc, và trong trường hợp này cần xác định cấp thương lượng nào là phổ biến hơn.

Có một xu hướng gần đây, đặc biệt là ở các nước phát triển, hướng tới phân cấp thương lượng: đó là việc ký kết các thỏa ước xảy ra ngày càng nhiều ở cấp độ doanh nghiệp. Đây là một xu hướng gây bối rối, do những tác động bất lợi của phân cấp thương lượng đối với mức độ bao phủ TLTT và thúc đẩy các điều kiện làm việc thỏa đáng cho tất cả mọi người. Việc có một chỉ số khung pháp lý kịp thời và đáng tin cậy đối với cấp thương lượng là điều cần thiết để theo dõi các loại xu hướng này.

3.3.2.3. Mức độ điều phối thương lượng tập thể

Mức độ điều phối thương lượng có nghĩa là mức độ mà các đơn vị thương lượng được điều phối để các bên duy trì sự gắn kết ở các cấp khác nhau liên quan đến các vấn đề tiền lương và điều kiện làm việc. Điều phối thương lượng có thể có nhiều hình thức khác nhau, từ thảo luận không chính thức để sắp xếp lợi ích của một số đơn vị thương lượng, đến mức độ điều phối cao nhất được thể hiện bằng việc thực hiện TLTT chính thức ở cấp quốc gia. Mức độ điều phối TLTT có tác động quan trọng đến kết quả TLTT.

Mức độ điều phối thương lượng thường liên quan đến mức độ thương lượng, vì vậy nên xem xét cả hai yếu tố này khi nghiên cứu TLTT. Thông thường, cấp thương lượng cao

nhất có liên quan đến mức độ điều phối cao nhất, nghĩa là việc tập trung và điều phối thương lượng có xu hướng đi đôi với nhau, và thúc đẩy gia tăng độ bao phủ của TLTT.

3.3.2.4. Mở rộng TULĐTT

Trong lĩnh vực QHLD, một đặc điểm có thể quan sát thấy là cùng lúc khi tỷ lệ bao phủ TLTT cao hơn, tỷ lệ tham gia công đoàn có thể thấp hơn đáng kể. Trong hầu hết các trường hợp, điều này được giải thích là do việc mở rộng các TULĐTT, trong đó đòi hỏi các thỏa ước này không chỉ áp dụng cho NSDLĐ và các thành viên của (các) công đoàn đàm phán với họ, mà theo điều khoản mở rộng, các thỏa ước cũng được áp dụng tự động cho tất cả các doanh nghiệp và NLĐ trong một khu vực kinh tế và/hoặc khu vực địa lý, tùy thuộc vào bối cảnh pháp lý.

Việc mở rộng TULĐTT là một công cụ có giá trị để mở rộng lợi ích của một TULĐTT đối với các doanh nghiệp và NLĐ, nếu không thì họ sẽ không được bao phủ. Do đó, điều quan trọng là phải có thông tin về việc các cơ chế mở rộng được áp dụng và được sử dụng, và nếu vậy, có thể áp dụng/sử dụng trong những điều kiện nào (áp dụng cho ai, tiêu chí về tính đại diện, v.v...). Mặc dù sự tồn tại của các điều khoản mở rộng có thể được suy ra từ sự khác biệt bằng số giữa tỷ lệ tham gia công đoàn và tỷ lệ bao phủ TLTT, sự chênh lệch này không phải lúc nào cũng đáng tin cậy và chính xác. Do đó, việc mở rộng TULĐTT đòi hỏi phải có một chỉ số định tính riêng, để đảm bảo tính chính xác của thông tin về khung pháp lý.



4 | Các nguồn số liệu thống kê về TLTT

Một trong những thách thức lớn nhất đối với thống kê TLTT (ngoài việc thiếu dữ liệu) là sự đa dạng của các nguồn dữ liệu, bao gồm các loại hồ sơ dữ liệu hành chính (kể cả các TULĐTT), điều tra hộ gia đình (đáng chú ý nhất là điều tra lao động – việc làm), khảo sát tại cơ sở và các đợt thu thập dữ liệu đặc biệt. Đương nhiên, không phải tất cả các nguồn này luôn có sẵn, nhưng có khả năng có nhiều hơn một nguồn dữ liệu cùng tồn tại. Mỗi nguồn đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng, và cần ghi nhớ những đặc điểm này khi chọn sử dụng nguồn dữ liệu (nếu phù hợp) và khi phiên giải dữ liệu. Để đảm bảo tính lành mạnh của phân tích xu hướng, nguồn dữ liệu phải ổn định theo thời gian, cũng như các phương pháp luận càng ít thay đổi càng tốt. Các phần sau đây trình bày chi tiết các nguồn số liệu thống kê TLTT chính, đồng thời chỉ rõ điểm mạnh và điểm yếu của mỗi nguồn.

4.1. Hồ sơ dữ liệu hành chính

Hồ sơ dữ liệu hành chính là nguồn số liệu thống kê TLTT phổ biến nhất. Chúng bao gồm danh sách các đơn vị của một nhóm dân số nhất định, bao gồm thông tin về từng đơn vị (các biến liên quan đến từng đơn vị, đặc điểm địa lý của từng đơn vị và mối quan hệ giữa các đơn vị), theo đó mỗi đơn vị có thể được xác định là duy nhất và thông tin được cập nhật thường xuyên. Các hồ sơ này được tạo ra và duy trì bởi một cơ quan cụ thể có nhiệm vụ hành chính - và đáng chú ý là còn có cả hồ sơ về tất cả các thành phần do cơ quan này quản lý. Vì vậy, các hồ sơ hành chính cung cấp một danh mục đầy đủ về tất cả các đối tượng trong nhóm tham chiếu hoặc trong tổng số đối tượng được tính đến (mặc dù trên thực tế có thể thiếu giá trị). Nhìn chung, do hồ sơ hành chính được lập để cơ quan có liên quan theo dõi tất cả các yếu tố của một loại hình thông tin cụ thể (ví dụ: có tài khoản của tất cả nhân viên, tài nguyên, các hoạt động đã thực hiện hoặc các thành viên), nên tất cả các yếu tố này đều có thể nhận dạng và việc ghi chép khá toàn diện.

Tuy nhiên, vì các hồ sơ này được tạo ra cho mục đích hành chính chứ không phải thống kê (việc sản xuất số liệu thống kê là tác dụng phụ tích cực), nên độ tin cậy và tính hợp lệ của số liệu thống kê sẽ được xác định bởi các quy trình hành chính. Chất lượng của dữ liệu, loại dữ liệu có sẵn, mức độ bao phủ và tính kịp thời của dữ liệu sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của hồ sơ và thủ tục đăng ký. Riêng đối với thống kê TLTT, độ tin cậy của dữ

liệu bị ảnh hưởng bởi quy định về việc đăng ký TULĐTT với cơ quan lưu giữ hồ sơ có bắt buộc hay không. Khi việc đăng ký TULĐTT là không bắt buộc, hồ sơ có thể không đầy đủ, và do đó, bất kỳ số liệu thống kê nào có được từ đó sẽ đánh giá thấp độ bao phủ và phạm vi của TLTT và đưa ra một bức tranh sai lệch về tình trạng ĐTXH.

Có rất nhiều hồ sơ hành chính có thể có thể đưa ra số liệu thống kê về TLTT, bao gồm các hồ sơ do các công đoàn lưu trữ về hoạt động thương lượng và số thành viên của họ, các hồ sơ do các tổ chức của NSDLĐ lưu trữ, các hồ sơ do bộ lao động hoặc các cơ quan chính phủ khác lưu trữ, hay các hồ sơ về QHLD, hồ sơ của văn phòng hòa giải, hồ sơ đăng ký của các hiệp hội, và chính các TULĐTT.

Một khía cạnh tích cực của hồ sơ hành chính là, xét từ bản chất, chúng thường chứa thông tin về khung pháp lý và các chỉ số định tính bên cạnh các số liệu thống kê. Việc đăng ký TULĐTT, khi được duy trì kỹ lưỡng, có xu hướng chứa đựng thông tin về tất cả các khía cạnh của TLTT. Các hồ sơ đăng ký đầy đủ nhất (và do đó, thường là những hồ sơ có số liệu thống kê toàn diện nhất) thường được lưu trữ bởi bộ lao động hoặc cơ quan khác nơi có tập trung tất cả các thỏa ước. Các chủ đề có thể tìm thông tin trong hồ sơ hành chính bao gồm (nhưng không giới hạn ở): số NLĐ được bao phủ theo từng TULĐTT (có thể cả các phân tổ như giới tính, tuổi, v.v...), các chủ đề được bàn bạc/quy định trong mỗi TULĐTT và kết quả thương lượng, thời hạn hiệu lực của từng thỏa ước, phương thức ký kết từng thỏa ước, cấp ký kết thỏa ước (ví dụ, cấp công ty, cấp ngành hoặc cấp quốc gia), mức độ điều phối thương lượng, sự tồn tại của các điều khoản mở rộng trong các thỏa ước và đặc điểm của các bên thương lượng.

Để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu hành chính về TLTT, cần lưu ý một số khía cạnh quan trọng, như thời hạn hiệu lực của TULĐTT. Vì thời hạn này có thể thay đổi, điều quan trọng là số đăng ký thông tin cần có thông tin về tất cả các thỏa ước hiện đang có hiệu lực, cho biết không chỉ thời gian mà thông tin được nhập vào sổ đăng ký, mà còn cả ngày ký kết và ngày hết hạn của mỗi thỏa ước. Việc này giúp cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác về tất cả các thỏa ước có hiệu lực, thay vì chỉ những thỏa ước được ký kết trong năm đăng ký. Trên thực tế, nếu chỉ tập trung vào các thỏa ước được ký kết trong một năm cụ thể, phạm vi và mức độ bao phủ của TLTT có thể bị ước tính thấp hơn nhiều so với thực tế, vì có thể nhiều thỏa ước được ký kết trong những năm trước vẫn còn hiệu lực.

Để đo lường số NLĐ được bao phủ theo từng thỏa ước và theo tất cả các thỏa ước, cần có tất cả các thông tin liên quan đến phạm vi áp dụng của từng thỏa ước và con số ước tính đáng tin cậy về số NLĐ trong mỗi nhóm tương ứng. Cũng cần thận trọng để tránh việc tính hai lần số NLĐ được bao phủ bởi nhiều hơn một thỏa ước cùng một lúc (ví dụ khi các thỏa ước được ký kết ở các cấp khác nhau).

Có thể xảy ra trường hợp hồ sơ hành chính không bao phủ đầy đủ phạm vi lãnh thổ của quốc gia, có lẽ do các thỏa ước liên quan đến một khu vực địa lý hoặc một hoạt động kinh tế cụ thể lại được một cơ quan khác lưu giữ. Trong những trường hợp này, điều quan trọng là cần có thông tin chi tiết về phạm vi bao phủ của hồ sơ cùng với số liệu thống kê, để đảm bảo sự phiên giải chính xác. Ví dụ, nếu cơ quan lưu giữ hồ sơ hành chính chỉ chịu trách nhiệm về các thỏa ước trong các hoạt động phi nông nghiệp, thì số liệu thống kê thu được từ hồ sơ này sẽ chỉ bao gồm lĩnh vực phi nông nghiệp, và điều

này cần được nêu rõ. Cũng cần lưu ý khi tính tỷ lệ bao phủ TLTT: trong ví dụ này, tử số của tỷ lệ này sẽ chỉ đề cập đến phi nông nghiệp, có nghĩa là để thống nhất thì mẫu số phải là NLD phi nông nghiệp chứ không phải tất cả NLD.¹⁸ Khi việc đăng ký các thỏa ước với một cơ quan trung ương là không bắt buộc, số liệu thống kê sẽ không đầy đủ toàn diện và thật khó để biết nó không đầy đủ/toàn diện đến mức độ nào. Vì vậy, trong những trường hợp đó, tốt nhất là không nên phổ biến số liệu thống kê hoặc sử dụng chúng để phân tích TLTT.

4.1.1. Thỏa ước lao động tập thể: nguồn thông tin căn bản

Nội dung các TULĐTT được ký kết là một nguồn thông tin rất phong phú, có thể là phong phú nhất, nhưng điều này phụ thuộc vào các quy định và thông lệ làm cơ sở cho việc ký kết TULĐTT. Ví dụ, thỏa ước có phải theo một biểu mẫu bắt buộc không? Các trường thông tin cần thiết trong một TULĐTT (nếu có) là gì? Các bên ký kết có xu hướng đưa tất cả các thông tin cần thiết vào các thỏa ước hay không? Các thỏa ước có thể đứng độc lập và dễ hiểu hay không, hay thường phải tham khảo cả các thỏa ước ký trước đó? Câu trả lời cho tất cả những câu hỏi này sẽ có tác động đáng kể đến khả năng sản xuất dữ liệu và chất lượng dữ liệu sẽ phụ thuộc rất lớn vào thủ tục đăng ký và lưu trữ TULĐTT.

Đối với mục đích lấy số liệu thống kê từ thông tin có trong các TULĐTT, tốt nhất là tất cả các trường thông tin liên quan được điền vào (trong tất cả các thỏa ước), nghĩa là, càng ít giá trị thiếu thì càng tốt. Một cách để đảm bảo thông tin đầy đủ là quy định tất cả các trường thông tin và điều khoản quan trọng trong TULĐTT là bắt buộc phải điền. Trên thực tế, việc bắt buộc sử dụng biểu mẫu TULĐTT và cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách điền vào biểu mẫu này sẽ có lợi đáng kể cho việc sản xuất dữ liệu sau đó. Dữ liệu với chất lượng cao hơn về TULĐTT rất hữu ích cho các đơn vị thương lượng để cung cấp thông tin cho các cuộc đàm phán trong tương lai của họ, cũng như cho các nhà hoạch định chính sách để thiết kế các chương trình dựa trên bằng chứng.

Trong bất kỳ TULĐTT nào, các mục thông tin chính (các biến) cần được báo cáo rõ ràng và chính xác bao gồm:

- tên của các bên thương lượng
- ngày thỏa ước được ký
- thời hạn hiệu lực (ngày bắt đầu có hiệu lực và ngày hết hạn - hoặc điều kiện hết hạn nếu thời hạn của thỏa ước là vô thời hạn)
- mối quan hệ với các thỏa ước trước đó (thỏa ước này có loại bỏ và thay thế các thỏa ước trước đó hay không và nếu có, nó thay thế những thỏa ước nào)
- phạm vi áp dụng (các khu vực địa lý được bao phủ, các hoạt động kinh tế được bao phủ, các cơ sở được bao phủ, các loại NLD được bao phủ, v.v...), thỏa ước này có được áp dụng tự động cho một số nhóm NLD nhất định hay không, và nếu có, là những nhóm nào

¹⁸ Hoặc việc làm phi nông nghiệp thay vì tổng số việc làm, khi nhóm tham chiếu cho tỷ lệ là tổng số việc làm thay vì việc làm được trả lương.

- số lượng NLD làm công ăn lương hoặc NLD có việc làm được bao phủ
- định nghĩa về các điều khoản quan trọng được sử dụng trong thỏa ước (đặc biệt là khi sử dụng các thuật ngữ)
- các chủ đề được thảo luận/quy định trong thỏa ước và chi tiết các quy định
 - **Thù lao:** loại thù lao được quy định (v.d. như tiền lương hoặc tiền công), loại mức lương (mức lương tối thiểu, bắt đầu mức lương tối thiểu, tiền thưởng, v.v...), số tiền được ấn định và theo đơn vị thời gian nào, thời gian và phương thức chi trả thù lao (bao gồm tần suất, và trả sau hay trả trước). Lý tưởng nhất, mỗi thỏa ước nên đứng riêng rẽ, và do đó, số tiền hoặc phần trăm tăng được đàm phán nên được nêu rõ ràng thay vì đưa ra một sự gia tăng tỷ lệ phần trăm so với những gì đã được ấn định trong một thỏa thuận trước đó.
 - **Phụ cấp** (v.d. như phụ cấp ăn uống, đi lại và đào tạo): số tiền trên mỗi đơn vị thời gian.
 - **Giờ làm việc:** số giờ làm việc của NLD toàn thời gian (và NLD bán thời gian, nếu có) mỗi tuần, chi tiết về ngày làm việc (thời gian bắt đầu và kết thúc) và tuần làm việc (ngày nghỉ).
 - **Làm thêm giờ:** định nghĩa làm thêm giờ, trả lương cho giờ làm thêm, giới hạn của thời gian làm thêm.
 - **Nghỉ phép hàng năm:** số ngày hoặc tuần nghỉ phép trên mỗi đơn vị thời gian (năm dương lịch, năm phục vụ, tháng phục vụ), tiêu chí nghỉ phép (phải thông báo, khả năng nghỉ phép trước, mỗi lần có thể nghỉ phép bao lâu), điều kiện để được trả tiền cho những ngày nghỉ phép không sử dụng.
 - **Chấm dứt hợp đồng:** thời gian thông báo và các điều kiện khác.
- thủ tục giải quyết tranh chấp giữa các bên ký kết liên quan đến thỏa ước.

New Zealand là một ví dụ điển hình về việc cung cấp hướng dẫn cho NLD và NSDLĐ về TLTT và thiết lập các TULĐTT. Trang web chính thức của Cơ quan Việc làm New Zealand, một đơn vị thuộc Bộ Kinh doanh, Đổi mới và Việc làm New Zealand, trình bày thông tin chi tiết về TULĐTT là gì, các yêu cầu mà TULĐTT phải đáp ứng và các điều khoản tùy chọn mà TULĐTT có thể có. Để phục vụ công chúng, trang web cũng có một mẫu TULĐTT có thể tải xuống, với các điều khoản dự thảo và những giải thích hữu ích.¹⁹ Một ví dụ khác là Bộ Việc làm và An sinh xã hội Tây Ban Nha, nơi phổ biến thông tin hữu ích về việc ký kết và đăng ký TULĐTT, và thậm chí công bố số liệu thống kê về TLTT có được từ sổ đăng ký TULĐTT.²⁰ Ủy ban Tham vấn Quốc gia về TULĐTT của Bộ này hàng năm đều xuất bản một hướng dẫn về TLTT bao gồm những thông tin có giá trị về pháp luật điều chỉnh TULĐTT, thực hành tốt về TLTT và mẫu đăng ký TULĐTT. Ngoài ra, Cơ quan Hướng dẫn Lao động của Chile cũng phổ biến thông tin chi tiết trực tuyến về

¹⁹ Có thể truy cập thông tin này trên trang web của Cơ quan Việc làm New Zealand, tại: <https://www.employment.govt.nz/starting-employment/unions-and-bargaining/collective-agreements/>

²⁰ Có thể truy cập thông tin này trên trang web của Bộ Việc làm và An sinh Xã hội Tây Ban Nha, tại: http://www.mitra-miss.gob.es/es/sec_trabajo/ccncc/index.htm (tiếng Tây Ban Nha).

TLTT²¹, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, thủ tục đàm phán được chấp nhận, khung pháp lý cho TULĐTT và nội dung đề xuất của thỏa ước.²²

Niên giám thống kê của Cơ quan Hướng dẫn Lao động bao gồm một chương về TLTT, trình bày số liệu thống kê chi tiết có được từ sổ đăng ký TULĐTT²³.

4.2. Điều tra hộ gia đình (đáng chú ý nhất là điều tra lao động – việc làm)

Dữ liệu về bao phủ TLTT cũng có thể được thu thập từ một cuộc khảo sát hộ gia đình, điển hình nhất là điều tra lao động – việc làm (điều tra lao động – việc làm là loại khảo sát hộ gia đình rất có tiềm năng và phù hợp hơn để tổng hợp thông tin về các vấn đề thị trường lao động cụ thể như TLTT). Dữ liệu về TLTT chỉ có thể được lấy từ các khảo sát hộ gia đình khi các câu hỏi thích hợp về TLTT được đưa vào bảng câu hỏi khảo sát. Các khảo sát hộ gia đình không đưa ra thông tin về các khía cạnh khác của TLTT ngoài mức độ bao phủ TLTT (nghĩa là số NLD được bao phủ), vì thông tin được thu thập trực tiếp từ các cá nhân (thành viên hộ gia đình), những người không nhất thiết có kiến thức để trả lời các vấn đề cụ thể liên quan đến TULĐTT ngoài việc họ có được bao phủ hay không.

Khi các cuộc điều tra hộ gia đình bao phủ toàn bộ dân số trong độ tuổi lao động trong mẫu khảo sát (bao gồm tất cả những người có việc làm cho dù trong bất kể hoạt động kinh tế, nghề nghiệp hoặc vị thế việc làm nào, tất cả những người thất nghiệp và những người ngoài lực lượng lao động), chúng cung cấp một khuôn khổ rõ ràng cho phân tích thị trường lao động - sử dụng các chỉ số thị trường lao động khác nhau, bao gồm các chỉ số về QHLD như tỷ lệ bao phủ TLTT. Trên thực tế, có hai khía cạnh của hoạt động công đoàn được liên kết với nhau, và do đó nên được phân tích cùng nhau bất cứ khi nào có thể: số đoàn viên công đoàn và độ bao phủ của TLTT, được đo lường lần lượt thông qua tỷ lệ tham gia công đoàn và tỷ lệ bao phủ TLTT. Nếu một bảng câu hỏi khảo sát bao gồm các câu hỏi về tham gia công đoàn và mức độ bao phủ theo từng TULĐTT, kết quả khảo sát này sẽ là nguồn dữ liệu tiềm năng cho thống kê QHLD, vì sự thống nhất giữa hai chỉ số này sẽ được đảm bảo. Điều tra này cũng sẽ cung cấp số liệu thống kê cần thiết cho mẫu số của hai tỷ lệ này (số NLD được trả lương hoặc tổng số NLD có việc làm), điều này làm tăng thêm sự lành mạnh của các chỉ số. Dữ liệu về tham gia công đoàn, về bao phủ TLTT và về số người có việc làm từ cùng một khảo sát có chung phương pháp, độ bao phủ địa lý, nhóm dân số tham chiếu, thời gian tham chiếu, v.v... làm cho tỷ lệ tham gia công đoàn và tỷ lệ bao phủ TLTT thống nhất và nhất quán với nhau. Tuy nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là các nhóm tham chiếu tiềm năng để thống kê về tham gia công đoàn và bao phủ TLTT được xác định theo vị trí của các câu hỏi tương ứng trong bảng câu hỏi khảo sát: nếu những câu hỏi này được hỏi cho tất cả những người có việc làm, thì có thể có số liệu thống kê về tham gia công đoàn và bao phủ TLTT cho cả NLD làm công ăn lương và lao động tự tạo việc làm, nhưng nếu ngược

²¹ Hướng dẫn hàng năm có tại trang web: http://www.mitramiss.gob.es/es/sec_trabajo/ccncc/B_Actuaciones/Guia/guia_negociacion_colectiva.htm (tiếng Tây Ban Nha).

²² Có thể truy cập thông tin này trên trang web của Cơ quan Hướng dẫn Lao động, tại: <http://www.dt.gob.cl/portal/1628/w3-propertyvalue-23054.html> và <http://www.dt.gob.cl/portal/1628/w3-propertyvalue-22080.html> (tiếng Tây Ban Nha)

²³ Niên giám thống kê của Cơ quan Hướng dẫn Lao động từ bản năm 2010 trở đi có tại trang web: https://www.dt.gob.cl/portal/1629/w3-propertyvalue-76577.html#articulos_periodo_group_pvid_27488

lại (và đây là thông lệ phổ biến nhất), nếu những câu hỏi này chỉ được hỏi cho NLD làm công ăn lương, thì nhóm tham khảo chỉ có thể là nhóm được trả lương.

Một lợi thế lớn khác của các khảo sát hộ gia đình để trở thành một nguồn thống kê QHLD là dữ liệu có thể được lập bảng/tổng hợp chéo với nhiều biến được quan tâm, vì các khảo sát này cũng tổng hợp thông tin về nhiều mục liên quan đến thị trường lao động và kinh tế xã hội. Số liệu thống kê về bao phủ TLTT có thể được trình bày theo các phân tổ như giới tính, tuổi tác, hoạt động kinh tế, nghề nghiệp, thu nhập, thời gian làm việc, quốc tịch, v.v..., rất có giá trị để phân tích chuyên sâu về thị trường lao động.

Hơn nữa, do đơn vị phân tích trong khảo sát hộ gia đình là cá nhân, mỗi người sẽ chỉ được tính một lần, tránh các vấn đề về trùng lặp trong tính toán mà đôi khi chúng ta vẫn gặp phải trong hồ sơ hành chính. Những người được bao phủ bởi nhiều hơn một TULĐTT cũng được tính một lần trong các số liệu về bao phủ thương lượng và những người tham gia vào nhiều hơn một công đoàn hoặc những người đã thay đổi công đoàn gần đây chỉ được tính một lần trong các số liệu về công đoàn. Ngoài ra, vì thông tin đến từ cá nhân trực tiếp, nên người đó có thể nói chính xác liệu họ có được bao phủ bởi TULĐTT hay không, bất kể thỏa ước được ký kết khi nào, đảm bảo rằng các số liệu về mức độ bao phủ bao gồm những NLD được bao trùm bởi tất cả các thỏa ước còn hiệu lực (thay vì chỉ gồm các thỏa ước được ký kết trong giai đoạn tham chiếu, đôi khi dữ liệu hành chính đề cập đến những thỏa ước này). Người được hỏi cũng có thể thông báo chính xác hiện họ có tham gia công đoàn hay không, khắc phục các vấn đề về chất lượng dữ liệu liên quan đến tính kịp thời của việc cập nhật hồ sơ hành chính (tránh một số trường hợp như khi NLD mới nghỉ việc hoặc mới gia nhập công đoàn nhưng con số này không được phản ánh ngay trong số liệu thống kê về tham gia công đoàn).

Ngoài việc tăng chất lượng và tính nhất quán của dữ liệu, các cuộc điều tra về lực lượng lao động thúc đẩy so sánh quốc tế về thống kê TLTT, vì phương pháp của các cuộc khảo sát này phù hợp giữa các quốc gia so với các hồ sơ hành chính hoặc khảo sát cơ sở lao động, và thường áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chí hoạt động được khuyến nghị ở cấp độ quốc tế.

Tuy nhiên, độ tin cậy của dữ liệu về bao phủ TLTT có được từ các khảo sát hộ gia đình phụ thuộc rất nhiều vào độ chính xác của người trả lời và mức độ họ biết về tình trạng bao phủ của họ. Ngoài ra, trong các cuộc điều tra hộ gia đình, một thành viên của hộ gia đình được hỏi thường sẽ cung cấp thông tin cần thiết về tất cả các thành viên trong gia đình, mà có thể người được hỏi không biết chính xác những người khác trong gia đình có được bao phủ trong TLTT hay không.

Hơn nữa, các khảo sát hộ gia đình cũng phát sinh các lỗi chọn mẫu, và mức độ lỗi chọn mẫu phụ thuộc vào thiết kế mẫu.²⁴

Ngoài ra, cần lưu ý tầm quan trọng của việc xây dựng câu hỏi về bao phủ TLTT và cách người trả lời hiểu nó. Từ ngữ của câu hỏi sẽ quyết định rất nhiều đến độ chính xác của kết quả. Khi biên giải số liệu thống kê về bao phủ TLTT từ các khảo sát hộ gia đình, việc ghi nhớ (các) câu hỏi đã được sử dụng để tổng hợp dữ liệu là rất cần thiết, vì nó xác định

²⁴ Để biết thêm thông tin về số liệu thống kê về QHLD có được từ các điều tra lực lượng lao động, hãy tham khảo Ghi chú so sánh – Thu thập thông tin qua các Điều tra Lực lượng Lao động, có tại: <http://laborsta.ilo.org/applv8/-data/TUM/Collecting%20Social%20Dialogue%20data%20from%20LFS%20-%20Comparative%20note.pdf>

những thông tin mà dữ liệu thực sự đề cập đến. Thiết kế câu hỏi cũng ảnh hưởng đến khả năng so sánh dữ liệu giữa các quốc gia, vì không phải tất cả các câu hỏi đều thu về chính xác cùng loại thông tin. Hộp 1 trình bày một số ví dụ về các câu hỏi được sử dụng để tổng hợp thông tin về bao phủ TLTT trong các cuộc điều tra lực lượng lao động ở các quốc gia khác nhau.

Hộp 1. Ví dụ về các câu hỏi về bao phủ TLTT trong các cuộc điều tra lao động-việc làm (điều tra lực lượng lao động)

• Campuchia — Điều tra Lực lượng Lao động và Lao động Trẻ em 2012²⁵

Đặc điểm của công việc/hoạt động chính trong 7 ngày qua (câu hỏi chỉ dành cho NLD làm công ăn lương)

Lương và điều kiện làm việc của (TÊN) có bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các thỏa ước giữa NSDLĐ của (TÊN) và bất kỳ công đoàn nào hay không?

• Canada — Điều tra Lực lượng Lao động²⁶

Khối công đoàn (câu hỏi chỉ dành cho NLD làm công ăn lương)

- Anh/chị có phải là một đoàn viên công đoàn tại nơi làm việc của mình hay không [tại tên công ty]?

(Nếu có, bỏ qua câu hỏi tiếp theo)

- Anh/chị có được bao phủ bởi một kế ước với công đoàn hay một TULĐTT hay không?

• Malawi — Điều tra Lực lượng Lao động 2013²⁷

Đặc điểm của công việc/hoạt động chính (câu hỏi chỉ dành cho NLD làm công ăn lương)

Có TULĐTT nào ở nơi làm việc của anh/chị không?

• Nam Phi — Điều tra Lực lượng Lao động hàng quý²⁸

Điều kiện làm việc (câu hỏi chỉ dành cho NLD làm công ăn lương)

Mức tăng lương hàng năm được thương lượng như thế nào?

- | | |
|--|---|
| ☐ Cá nhân và NSDLĐ | ☐ Công đoàn và NSDLĐ |
| ☐ Hội đồng thương lượng | ☐ NSDLĐ quyết định |
| ☐ Không tăng lương thường xuyên | ☐ Khác |

²⁵ Bảng câu hỏi của cuộc điều tra có trong Điều tra Lực lượng Lao động và Lao động Trẻ em 2012 của Campuchia – Báo cáo Lực lượng Lao động: https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bang-kok/---sro-bangkok/documents/publication/wcms_230721.pdf

²⁶ Bảng câu hỏi Điều tra Lực lượng Lao động của Canada có tại trang web: http://www23.statcan.gc.ca/imdb/p3Instr.pl?Function=getInstrumentList&Item_Id=250620&UL=1V&

²⁷ Bảng câu hỏi điều tra có trong Báo cáo Điều tra Lực lượng Lao động 2013 của Malawi: http://www.nsomalawi.mw/imaees/stories/data_on_line/demoera-phy/Labour%20Force/Labour%20Force%20Survey%20Q13/Malawi%20Labour%20Force%20Survey%202013%20Report.pdf

²⁸ Thông tin về Điều tra Lực lượng Lao động hàng quý của Nam Phi có tại trang web: http://www.statssa.gov.za/?page_id=1854&PPN=P0211.

- **Vương quốc Anh – Điều tra Lực lượng Lao động²⁹**

Khối đại diện công đoàn (câu hỏi chỉ dành cho NLĐ làm công ăn lương)

Tiền lương và điều kiện làm việc của anh/chị có bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các thỏa ước giữa NSDLĐ của bạn và bất kỳ tổ chức công đoàn hoặc hiệp hội NLĐ nào không?

- **Hoa Kỳ – Điều tra Dân số Hiện tại³⁰**

Câu hỏi chỉ dành cho NLĐ làm công ăn lương

Trong công việc này, (TÊN) có phải là thành viên của một công đoàn hoặc một hiệp hội NLĐ tương tự như công đoàn hay không?

(Nếu có, bỏ qua câu hỏi tiếp theo)

Trong công việc này, (TÊN) có được bao phủ bởi một khế ước với công đoàn hay thỏa ước với hiệp hội NLĐ hay không?

Cần lưu ý rằng do có các câu hỏi “bỏ qua” trong bảng câu hỏi Điều tra Lực lượng Lao động của Canada và Điều tra Dân số Hiện tại của Hoa Kỳ, không thể có được dữ liệu chính xác về số NLĐ làm công ăn lương được bao phủ bởi ít nhất một TULĐTT, thay vào đó chỉ có số NLĐ làm công ăn lương là thành viên của một công đoàn hoặc được bao phủ bởi một TULĐTT. Thông tin về bao phủ TLTT chỉ được tổng hợp cho những NLĐ làm công ăn lương không tham gia công đoàn, điều này giả định rằng tất cả NLĐ làm công ăn lương là đoàn viên công đoàn trên thực tế đều được bao phủ bởi một TULĐTT (có nghĩa là tất cả các công đoàn đều tham gia thương lượng và ký kết thỏa ước).

4.3. Tổng điều tra và khảo sát cơ sở lao động

Mặc dù ít được sử dụng cho mục đích thu thập số liệu thống kê về tham gia công đoàn và/hoặc bao phủ TLTT, các cuộc tổng điều tra và khảo sát cơ sở lao động (điều tra doanh nghiệp) cũng có thể cung cấp những dữ liệu đó. Các số liệu thống kê từ các cuộc tổng điều tra và khảo sát cơ sở lao động có xu hướng rất chính xác, vì chúng dựa trên thông tin được lấy trực tiếp từ bảng lương của cơ sở lao động. Ngoài ra, cơ sở lao động có thể có thông tin chi tiết hơn về các TULĐTT bao trùm NLĐ của mình chứ không chỉ đơn giản là số lượng NLĐ được bao trùm (v.d: nội dung của các thỏa ước, thời hạn, phương thức ký kết, v.v...). Tuy nhiên, sự sẵn có của thông tin này sẽ phụ thuộc vào thiết kế bảng câu hỏi.

Các cuộc tổng điều tra và khảo sát cơ sở lao động cũng sẽ đề cập chính xác đến số lượng người được bao phủ bởi tất cả các TULĐTT có hiệu lực, bao gồm cả những người được bao phủ bởi các thỏa thuận được ký kết trong những năm trước nhưng vẫn còn hiệu lực. Dữ liệu từ các cuộc tổng điều tra và khảo sát cơ sở lao động cũng đếm chính xác số người thực hiện các công việc được bảo vệ bởi TLTT và/hoặc tham gia một công đoàn trong mỗi cơ sở, tránh việc đếm hai lần trong cùng một cơ sở. Tuy nhiên, điều

²⁹ Bảng câu hỏi Điều tra Lực lượng Lao động của Vương quốc Anh có tại trang web:

<https://www.ons.gov.uk/employmentandlabourmarket/peoplein-work/employmentandemployeetypes/methodologies/labourforcesurveyuserguidance#2018-update>

³⁰ Bảng câu hỏi Điều tra Dân số hiện tại có tại trang web:

<https://www.census.gov/programs-surveys/cps/technical-documentation/questionnaires.html>

quan trọng cần lưu ý là đơn vị phân tích trong các cuộc tổng điều tra và khảo sát cơ sở lao động là công việc chứ không phải cá nhân. Do đó, một người làm hai công việc ở hai cơ sở khác nhau có thể được tính hai lần trong một cuộc khảo sát cơ sở lao động (với số giờ làm việc cụ thể trong mỗi công việc được tính đến). Có thể sử dụng mã số định danh duy nhất của đơn vị để tránh tính hai lần như vậy.

Hơn nữa, dữ liệu từ các cuộc khảo sát cơ sở lao động chỉ đề cập đến NLD làm công ăn lương (là NLD làm việc trong các cơ sở), không bao gồm lao động tự tạo việc làm (lao động tự làm, lao động gia đình, v.v...). Do đó, mức độ tham gia công đoàn và bao phủ TLTT chỉ có thể được nghiên cứu giữa những NLD làm công ăn lương khi dữ liệu được lấy từ các điều tra cơ sở lao động (ngăn việc sử dụng tổng số NLD có việc làm làm nhóm tham khảo). Ngoài ra, các cuộc điều tra cơ sở lao động thường bị giới hạn về phạm vi: không có gì lạ khi các điều tra này chỉ bao gồm số cơ sở với một quy mô nhất định và/hoặc trong một số hoạt động kinh tế nhất định như doanh nghiệp tư nhân phi nông nghiệp. Do đó, dữ liệu từ các cuộc điều tra cơ sở lao động thường không bao gồm khu vực phi chính thức và nông nghiệp.

Ví dụ, Peru đã tổng hợp nhiều thông tin từ một loại khảo sát cơ sở lao động dưới dạng các biểu mẫu điện tử để các cơ sở điền thông tin. Nhiều doanh nghiệp bắt buộc phải nộp biểu mẫu đã hoàn thành (những cơ sở lao động đáp ứng một số tiêu chí cụ thể), để đảm bảo rằng số liệu thống kê thu về là kịp thời và toàn diện. Các số liệu thống kê thu về bao gồm một loạt các chủ đề liên quan đến lao động, bao gồm bao phủ TLTT và số đoàn viên công đoàn.³¹ Đức cũng tiến hành một cuộc khảo sát cơ sở lao động, cho phép tổng hợp thông tin toàn diện về nhiều chỉ số liên quan đến lao động, bao gồm cả dữ liệu về bao phủ TLTT. Mẫu bảng hỏi của khảo sát này dành cho các cơ sở lao động thuộc mọi quy mô và từ tất cả các hoạt động kinh tế trên toàn quốc³².

4.4. Thu thập dữ liệu đặc biệt và các nguồn khác

Ngoài các nguồn thống kê truyền thống (khảo sát hộ gia đình và cơ sở lao động) và dữ liệu hành chính, các phương pháp khác có thể được sử dụng để lấy số liệu thống kê TLTT, tùy thuộc vào bối cảnh quốc gia.

Những phương pháp tổng hợp dữ liệu có thể rất khác nhau và đa dạng. Chúng bao gồm việc ước tính dựa trên luật pháp được triển khai rộng rãi và thông tin đáng tin cậy về khung pháp lý (ở đây, chất lượng của số liệu thống kê sẽ được xác định bằng độ chính xác của phương pháp ước tính được sử dụng), kết hợp các nguồn được phân loại khác nhau để có được chuỗi dữ liệu toàn diện hơn hoặc để loại bỏ những nhược điểm của từng nguồn (ví dụ: khi có nguồn dữ liệu cho từng vùng hoặc theo hoạt động kinh tế, hoặc khi dữ liệu hành chính có phạm vi bao phủ rộng hơn khảo sát lực lượng lao động - nhưng khảo sát lại có độ bao phủ tốt hơn đối với một số nhóm cụ thể) và thực hiện thu thập dữ liệu đặc biệt bằng cách tập trung dữ liệu từ các nguồn thông tin khác nhau (khảo sát các liên hiệp công đoàn khác nhau và các cơ sở lao động lớn, thực hiện nghiên cứu các báo cáo truyền thông và các bài viết học thuật, v.v...).

³¹ Để biết thêm thông tin về biểu mẫu khảo sát điện tử của Peru, hãy truy cập trang web của Bộ Xúc tiến Việc làm và Tuyển dụng, tại: <http://www.mintra.gob.pe/mostratContenido.php?id=606&>

³² Để biết thêm thông tin về Khảo sát Cơ sở Lao động IAB, hãy truy cập trang web của Viện Nghiên cứu Việc làm, tại: <http://www.iab.de/en/erhebungen/iab-betriebspanel.aspx>

Ví dụ, cứ hai năm một lần Cục Thống kê Liên bang Thụy Sĩ tiến hành một cuộc khảo sát các TULĐTT. Đây là một nỗ lực lớn để tổng hợp dữ liệu, trong đó các bên ký kết (NSDLĐ, tổ chức của NSDLĐ và các công đoàn) được yêu cầu phải cung cấp thông tin chi tiết về từng TULĐTT đã ký kết. Khảo sát cung cấp dữ liệu về số lượng thỏa ước có hiệu lực, số NLD được bao phủ, số cơ sở được bao phủ, phạm vi áp dụng của từng thỏa ước và các chủ đề bao gồm trong thỏa ước.³³

4.5. Một số cân nhắc về nguồn số liệu thống kê về TLTT

Sự đa dạng của các nguồn số liệu thống kê về TLTT, mỗi nguồn có phương pháp và phạm vi bao phủ riêng, đã cản trở việc so sánh dữ liệu giữa các quốc gia và theo thời gian (khi các nguồn khác nhau được sử dụng cho các năm khác nhau). Để đảm bảo phân tích xu hướng của TLTT là chính xác và đáng tin cậy, các số liệu thống kê phải tham chiếu đến cùng một chuỗi thời gian, đến từ một nguồn và với phương pháp ổn định. Nếu tính sẵn có của dữ liệu bị phân tán theo thời gian, (ví dụ: chỉ có sẵn một vài điểm dữ liệu từ mỗi nguồn), tốt nhất là chọn nguồn được coi là có phương pháp mạnh nhất và chỉ tham khảo một vài điểm dữ liệu có sẵn từ nguồn đó, thay vì điền vào các khoảng trống với dữ liệu từ các nguồn khác có thể không so sánh được. Việc xây dựng chuỗi thời gian bằng cách tập hợp dữ liệu từ các nguồn khác nhau sẽ dẫn đến việc chấp vá dữ liệu (tham khảo các nhóm tham chiếu, khu vực, khoảng thời gian khác nhau, v.v...), gây ra những kết luận sai lệch về mặt phân tích xu hướng. Ngay cả khi sử dụng một nguồn dữ liệu nhất quán, phương pháp luận cho nguồn này có thể đã được sửa đổi tại một số thời điểm nhất định, gây ra sự gián đoạn trong chuỗi. Tác động của những khoảng ngắt quãng này cần được đánh giá và tính đến khi nghiên cứu sự phát triển của các chỉ số theo thời gian.

Đối với các so sánh xuyên quốc gia hoặc nghiên cứu về mô hình khu vực, khả năng so sánh quốc tế của dữ liệu là rất quan trọng. Do đó, điều quan trọng là phải có tất cả các siêu dữ liệu và thông tin phương pháp có liên quan về dữ liệu từ mỗi quốc gia và chỉ bao gồm trong phân tích dữ liệu có thể so sánh đủ. Khi phổ biến dữ liệu, điều cần thiết là phải xuất bản siêu dữ liệu đi kèm, đặc biệt là nêu rõ mọi sai lệch so với các tiêu chuẩn quốc tế hoặc thông lệ chung.

Đối với các so sánh xuyên quốc gia hoặc nghiên cứu về mô hình khu vực, khả năng so sánh dữ liệu ở cấp quốc tế là rất quan trọng. Do đó, điều quan trọng là phải có tất cả các siêu dữ liệu phù hợp và thông tin về phương pháp luận từ mỗi quốc gia, và chỉ đưa vào trong phân tích những dữ liệu có thể so sánh. Khi phổ biến dữ liệu, điều cần thiết là phải công bố siêu dữ liệu đi kèm, đặc biệt là nêu rõ mọi sai lệch so với các tiêu chuẩn quốc tế hoặc thông lệ chung.

Mỗi loại nguồn dữ liệu tiềm năng về TLTT có một phương pháp, độ bao phủ, phạm vi và nội dung cụ thể. Các đặc điểm của nguồn được sử dụng sẽ xác định độ tin cậy, chất lượng, độ bao phủ, khái niệm cơ bản, đơn vị, thời gian tham chiếu, v.v..., của số liệu thống kê thu được và phải được ghi nhớ khi phiên giải chúng.

³³ Có thể tìm thêm thông tin về Khảo sát TUTT trên trang web của Cục Thống kê Liên bang Thụy Sĩ, tại: <https://www.bfs.admin.ch/bfs/fr/home/statistiques/travail-remuneration/enquetes/egs.html> và kết quả của cuộc khảo sát gần đây nhất (2016) tại: <https://www.bfs.admin.ch/bfs/fr/home/statistiques/travail-remuneration/conventions-collectives-travail-partenariat-social.gnpdetail.2017-0305.html>

Cần chú ý đặc biệt khi tính toán tỷ lệ bao phủ TLTT để đảm bảo tối đa rằng tử số và mẫu số là nhất quán và có cùng độ bao phủ, ngay cả khi hai số này không xuất phát từ cùng một nguồn.

Để phân tích đầy đủ về tình trạng TLTT và vai trò của nó trong thị trường lao động, rất có thể sẽ cần phải sử dụng các nguồn dữ liệu khác nhau. Trong thực tế, một phân tích thấu đáo sẽ liên hệ đến các loại dữ liệu và thông tin khác nhau, và bao gồm cả các chỉ số định lượng (thống kê) và định tính (khung pháp lý). Dữ liệu về một chỉ số phải đến từ cùng một nguồn cho toàn bộ chuỗi để đảm bảo tính nhất quán, nhưng khi một vài chỉ số được sử dụng và chúng không có sẵn từ cùng một nguồn, nhiều nguồn khác nhau có thể được sử dụng, miễn là tác động của những khác biệt về phương pháp luận được xem xét.



5 | Những thách thức và cân nhắc

5.1. Sự sẵn có của số liệu

Thách thức chính trong lĩnh vực thống kê TLTT là tính sẵn có của dữ liệu. Như đã đề cập ở trên, có nhiều nguồn khác nhau cho các số liệu thống kê này, nhưng trong nhiều trường hợp không có nguồn nào sẵn có. Đôi khi hồ sơ hành chính có thông tin về TLTT, nhưng vì chúng không đầy đủ và không tuân theo các quy trình ghi chép nghiêm ngặt, thông tin được tạo ra không đáp ứng các yêu cầu chất lượng để được coi là số liệu thống kê đáng tin cậy.

Khi số liệu thống kê về TLTT chính thức không được sản xuất nhưng những hồ sơ như vậy lại tồn tại, có thể nghiên cứu quy trình đăng ký để cải thiện nó và biến nó thành một nguồn thống kê vững chắc với chi phí thấp.

Trong bối cảnh có một cuộc khảo sát lực lượng lao động được tiến hành thường xuyên, hoặc một cuộc khảo sát lực lượng lao động diễn ra một lần đang được lên kế hoạch, có thể sẽ hữu ích (và hiệu quả về chi phí) nếu bổ sung thêm một câu hỏi về mức độ bao phủ của TULĐTT vào bảng câu hỏi khảo sát.

Trong trường hợp không có bất kỳ nguồn dữ liệu đáng tin cậy nào, các phương pháp ước tính có thể được sử dụng để lấy số liệu thống kê về TLTT, miễn là có thông tin cơ bản cần thiết cho các ước tính từ các nguồn có uy tín. Ví dụ, nếu luật quy định rằng tất cả NLD thuộc một số loại phải được bảo vệ theo các thỏa ước toàn quốc, thì cần có đủ nguồn dữ liệu đáng tin cậy để nói rằng điều này đúng trong thực tế, và phải có số liệu thống kê chính xác về số NLD trong các nhóm liên quan, trước khi thực hiện ước tính số NLD được bao phủ bởi các TULĐTT đó.

5.2. Tương thích dữ liệu giữa các nước và theo thời gian

Phân tích thị trường lao động xuyên quốc gia và phân tích xu hướng chỉ vững chắc khi dữ liệu mà những phân tích đó sử dụng có thể so sánh được giữa các quốc gia và theo thời gian. Điều này có nghĩa là các phương pháp, khái niệm và định nghĩa, phạm vi bao phủ, thời gian tham chiếu, đơn vị đo lường, đơn vị phân tích, v.v... cần có sự nhất quán.

Thời gian tham chiếu có tầm quan trọng đặc biệt đối với tính nhất quán của số liệu thống kê về mức độ bao phủ TLTT. Đặc biệt khi nguồn sử dụng là hồ sơ hành chính, điều quan trọng là phải phân biệt giữa ngày đăng ký thỏa ước trong hồ sơ tương ứng, ngày ký kết thỏa ước và ngày có hiệu lực.

Liên quan đến số liệu thống kê về số NLD được bao phủ bởi TLTT, những số liệu này nên đề cập đến số người thực tế (chứ không phải các đơn vị được bao phủ bởi thương lượng), nghĩa là, những NLD được bao phủ bởi nhiều hơn một thỏa ước chỉ được tính một lần, điều này yêu cầu khả năng xác định các cá nhân trong phạm vi của mỗi thỏa ước và nhận ra có sự trùng lặp hay không. Số lượng NLD được bao phủ bởi TLTT cũng nên bao gồm những NLD được bao phủ theo các điều khoản mở rộng trong các thỏa ước. Ngoài ra, sự không đồng nhất của các chủ đề được TLTT và được xác định thông qua TULĐTT cũng cản trở sự so sánh số liệu thống kê về bao phủ TLTT. Một cách lý tưởng, để tham chiếu các TULĐTT có ý nghĩa tương tự nhau đối với các điều kiện của NLD, chỉ nên xem xét các thỏa ước liên quan đến thù lao. Tất cả các điểm này nên được áp dụng (trong phạm vi có thể) cho tất cả các số liệu thống kê được đưa vào một phân tích; có nghĩa là, tất cả các điểm dữ liệu trên khắp các quốc gia và theo thời gian. Khi một số giá trị không tuân theo điều này, cần đánh giá mức độ sai lệch làm cản trở việc so sánh dữ liệu, dựa trên thông tin về thị trường lao động quốc gia, hệ thống QHLD và khung pháp lý. Nếu tác động không đáng kể, có thể giữ các giá trị, nêu rõ độ đặc hiệu của chúng; nếu không, chúng nên bị loại bỏ khỏi phân tích và/hoặc cơ sở dữ liệu.

Như đã nêu ở trên, tỷ lệ bao phủ TLTT có thể được tính cho các nhóm tham chiếu khác nhau: sử dụng NLD được trả lương làm nhóm tham chiếu sẽ cho thấy tỷ trọng NLD làm công ăn lương được bao phủ bởi TLTT, trong khi đó nếu sử dụng tổng số NLD có việc làm như nhóm tham chiếu thì sẽ cho thấy tỷ trọng những người có việc làm được bao phủ bởi TLTT, còn nếu sử dụng NLD có quyền TLTT như nhóm tham chiếu thì sẽ cho thấy tỷ trọng NLD có quyền TLTT được bao phủ bởi TLTT. Nhóm tham chiếu được chọn phải giống nhau cho tử số và mẫu số (ví dụ: lao động tự làm được bao phủ bởi TLTT nên được đưa vào tử số khi nhóm tham chiếu là tổng số người có việc làm). Khi phổ biến dữ liệu về tỷ lệ bao phủ TLTT, điều cần thiết là phải nêu rõ phạm vi của tỷ lệ này. Điều quan trọng nữa là nhóm tham chiếu phải thống nhất với tất cả các điểm dữ liệu có trong phân tích hoặc cơ sở dữ liệu, để tránh đưa ra kết luận sai lệch. Khi phiên giải tỷ lệ bao phủ TLTT, điều quan trọng là phải biết nhóm tham chiếu nào được sử dụng để tính toán, vì nó ảnh hưởng lớn đến những gì mà số liệu thống kê truyền tải.

5.3. Tầm quan trọng của phân tổ số liệu

Nếu có đủ dữ liệu, nên đưa ra số liệu thống kê về bao phủ TLTT được phân tổ theo các nhóm như giới tính, tuổi tác, tình trạng việc làm, hoạt động kinh tế, nghề nghiệp, nhiệm kỳ công việc, khu vực địa lý, thành thị/nông thôn, quốc tịch/người nhập cư, v.v... Số liệu thống kê phân tổ cho phép xác định các vấn đề cụ thể trong thị trường lao động, để xác định chính xác các loại NLD dễ bị tổn thương nhất và đưa ra các lĩnh vực quan tâm đặc biệt. Chúng cũng cho thấy sự cải thiện hoặc suy giảm TLTT theo khu vực hoặc hoạt động kinh tế, mà có thể không được biểu hiện rõ ràng khi nhìn vào xu hướng chung của quốc gia. Thống kê phân tổ có thể hướng dẫn các nhà hoạch định chính sách tốt hơn, và giúp các công đoàn và các tổ chức của NSDLĐ tối ưu hóa và nhắm mục tiêu cho các hoạt động của họ.

Dữ liệu phân tổ chi tiết thường phải đánh đổi với độ tin cậy của dữ liệu, ít nhất là đối với dữ liệu khảo sát. Thiết kế mẫu cho phép sản xuất ra dữ liệu phân tổ nhưng chỉ đạt được một mức độ chi tiết nhất định. Ước tính cho các khu vực rất nhỏ hoặc các nhóm giảm số lượng có xu hướng không đáng tin cậy. Do đó, dữ liệu phân tổ nên được sử dụng như một công cụ để phân tích chuyên sâu, nhưng cần lưu ý đến sự đánh đổi với độ tin cậy của dữ liệu và tham chiếu các nhóm đủ lớn để đảm bảo chất lượng dữ liệu.

5.4. Tác động của phạm vi bao phủ của số liệu thống kê

Các đặc điểm của nguồn số liệu sẽ quyết định phạm vi bao phủ của số liệu thống kê. Phạm vi của các nguồn số liệu thống kê đôi khi không đầy đủ (ví dụ, một nguồn chỉ có thể bao gồm các khu vực đô thị, hoặc chỉ các hoạt động phi nông nghiệp, hoặc chỉ khu vực tư nhân), do đó, để đảm bảo phiên giải chính xác dữ liệu, điều quan trọng là phải có tất cả các thông tin liên quan về phạm vi bao phủ của số liệu thống kê.

Đồng thời, cần phân biệt giữa phạm vi bao phủ của nguồn số liệu thống kê và mức độ bao phủ của TLTT (hoặc mức độ bao phủ của quyền TLTT).

Ví dụ: nếu một nguồn số liệu thống kê nhất định chỉ bao trùm khu vực tư nhân, nó sẽ chỉ cung cấp dữ liệu về những NLD được bảo vệ bởi TLTT trong khu vực tư nhân mặc dù NLD trong khu vực công cũng có thể được bảo vệ bởi TLTT. Khi tính toán tỷ lệ bao phủ của TLTT trong trường hợp này, quy trình chính xác nhất sẽ là loại bỏ NLD khu vực công ra khỏi mẫu số và cả tử số và mẫu số chỉ tham chiếu khu vực tư nhân³⁴. Tỷ lệ thu được sẽ thực sự là tỷ lệ bao phủ TLTT khu vực tư nhân, và không có thông tin nào về khu vực công được thể hiện (vì không có thông tin nào sẵn có cho khu vực này). Bằng cách để NLD khu vực công nằm ở mẫu số (nhưng loại trừ họ ra khỏi tử số, do nguồn dữ liệu không bao gồm họ), chúng ta sẽ đánh giá thấp tỷ lệ bao phủ TLTT nói chung, với giả định rằng tỷ lệ bao phủ cho khu vực công là 0%.

Tuy nhiên, nếu nguồn số liệu thống kê thực sự bao trùm toàn bộ nền kinh tế (khu vực tư nhân và công) nhưng NLD khu vực công không thương lượng tập thể, thì số lượng NLD được bảo vệ bởi các TULĐTT trong khu vực công đã được biết đến, và con số này là bằng không. Trong trường hợp này, nên để cả NLD khu vực tư nhân và công trong mẫu số của tỷ lệ bao phủ TLTT, vì tỷ lệ thu về sẽ mô tả đúng mức độ TLTT trong thị trường lao động.

5.5. Phân tích TLTT thông qua một bộ chỉ số rõ ràng và liên mạch

Để phân tích đầy đủ các mối QHLD và tác động của chúng đối với thị trường lao động, cần phải phiên giải tất cả các chỉ số liên quan với nhau, như một tập hợp nhất quán, và không chỉ đề cập đến tỷ lệ bao phủ TLTT. Trên thực tế, tỷ lệ bao phủ TLTT là một chỉ số ĐTXH quan trọng, nhưng không đủ, và nó cần được bổ sung bằng các biện pháp liên quan khác.

Hoạt động công đoàn thường được đánh giá thông qua số đoàn viên công đoàn và sự tham gia của công đoàn vào TLTT, được đo lường thông qua tỷ lệ tham gia công đoàn

³⁴ Giả sử rằng mẫu số đến từ một nguồn khác, chẳng hạn như khảo sát lực lượng lao động bao trùm toàn bộ nền kinh tế.

và tỷ lệ bao phủ TLTT. TLTT và tham gia công đoàn là hai chỉ số đan xen nhau, đó là lý do tại sao các xu hướng và mô hình về tỷ lệ tham gia công đoàn và tỷ lệ bao phủ TLTT nên được phân tích cùng nhau.

Các tổ chức của NSDLĐ và NLD là một phần của ĐTXH và QHLD, do đó, các chỉ số đo lường phạm vi của họ - ví dụ như tỷ lệ tham gia tổ chức của NLD³⁵ - có thể được tham khảo khi phân tích TLTT.

Tỷ lệ bao phủ TLTT (ngay cả khi được phân tích cùng với tỷ lệ tham gia công đoàn) không thể hiện toàn bộ thực tế về QHLD trong một quốc gia. Nó cần được phiên giải thận trọng, đặc biệt có tính đến khung pháp lý tương ứng của quốc gia. Có rất nhiều khía cạnh thiết yếu của ĐTXH mà tỷ lệ này không phản ánh, như quyền thương lượng của các công đoàn, kết quả của các cuộc thương lượng, xử lý quyền TLTT và quyền công đoàn trong pháp luật và trên thực tế, v.v... Vì vậy, một vài chỉ số về khung pháp lý có thể được bổ sung vào phân tích để cung cấp thông tin theo ngữ cảnh, ví dụ về việc mở rộng TULĐTT, cơ cấu thương lượng, cấp thương lượng và mức độ điều phối thương lượng. Có thể sẽ hữu ích nếu có dữ liệu về số TULĐTT đạt được và đặc điểm của chúng (chủ đề được đưa vào, kết quả thương lượng, thời hạn hiệu lực, v.v...). Nếu dữ liệu cho phép, sẽ rất thú vị khi đánh giá sự phát triển của các nội dung được đàm phán ngay từ khi thương lượng bắt đầu cho tới khi đạt được kết quả (nghĩa là kết quả cuối cùng được ký kết trong thỏa ước gần/xa đến mức nào so với kết quả mong muốn ban đầu của mỗi bên).

Cấu trúc, thành phần và sự phát triển của thị trường lao động sẽ tác động đến tình trạng TLTT. Do đó, nghiên cứu về TLTT nên được đặt trong một nghiên cứu thị trường lao động rộng lớn hơn, có tính đến đặc điểm của nhóm dân số có việc làm, thành phần theo độ tuổi, tình trạng việc làm, hoạt động kinh tế, nghề nghiệp, v.v..., tỷ lệ NLD trong khu vực không chính thức và tỷ lệ thất nghiệp, sự xuất hiện của các hình thức việc làm không theo chuẩn, tỷ lệ lao động bán thời gian và tỷ lệ lao động có hợp đồng tạm thời – bên cạnh những chỉ số khác.

³⁵ Tỷ lệ tham gia tổ chức NSDLĐ có thể được tính bằng tỷ lệ NLD làm việc trong các cơ sở là thành viên của tổ chức NSDLĐ, hoặc là tỷ lệ của các doanh nghiệp thành viên của một tổ chức NSDLĐ. Tỷ lệ đầu tiên sẽ mô tả chính xác hơn tình hình trong thị trường lao động, vì nó sẽ phản ánh sự khác biệt về quy mô cơ sở (trong khi đó, ở tỷ lệ thứ hai, tất cả các doanh nghiệp đều có cùng trọng số bất kể số lượng NLD họ sử dụng là bao nhiêu).



6 | Kết luận

Số liệu thống kê về TLTT và TULĐTT là rất quan trọng để cấp thông tin cho phân tích thị trường lao động và xây dựng chính sách, và để cho phép các đối tác xã hội thương lượng hiệu quả hơn. Tuy nhiên, tính sẵn có của dữ liệu vẫn là một thách thức quan trọng và ngay cả khi có sẵn dữ liệu, một số khó khăn về phương pháp có thể ảnh hưởng đến độ tin cậy của số liệu thống kê. Các biện pháp nên được thực hiện để đảm bảo rằng dữ liệu TLTT là hợp lệ, kịp thời, nhất quán và có thể so sánh.

Tỷ lệ bao phủ TLTT đại diện cho chỉ số thống kê chính về TLTT. Đây là một biện pháp rất hữu ích cung cấp một dấu hiệu về mức độ mà các điều kiện của NLD được xác định thông qua TLTT và mang lại hiểu biết thấu đáo về phạm vi và vai trò của TLTT trong thị trường lao động. Trên bình diện quốc tế, chỉ số này thường chỉ đề cập đến những người có việc làm được trả lương, nghĩa là NLD làm công ăn lương. Nhằm thúc đẩy khả năng so sánh quốc tế của dữ liệu và tạo ra một khung thống kê hợp lệ ở tất cả các quốc gia (kể cả những quốc gia mà việc làm được trả lương không chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số việc làm), tỷ lệ bao phủ TLTT cũng có thể được tính theo tổng số việc làm. Nghiên cứu chung về hai loại tỷ lệ này sẽ cho thấy rõ tính dễ bị tổn thương của lao động tự tạo việc làm và mức độ mà TLTT có thể đảm bảo điều kiện làm việc đáng hoàng cho tất cả mọi người (chứ không chỉ NLD làm công ăn lương).

Bối cảnh quốc gia, các thông lệ truyền thống về QHLD và khung pháp lý đều có tác động không thể nghi ngờ đối với phạm vi và chất lượng của TLTT, đó là lý do tại sao chúng nên được xem xét trong bất kỳ loại phân tích TLTT nào, và đặc biệt là khi phiên giải tỷ lệ bao phủ TLTT.

Tỷ lệ bao phủ TLTT là một chỉ số chính về thị trường lao động, nhưng nó không phải là thước đo toàn diện về tình trạng TLTT và ĐTXH trong một bối cảnh nhất định. Do đó, không nên phân tích riêng chỉ số này mà nên bổ sung thông tin về bối cảnh quốc gia, khung pháp lý và các chỉ số thị trường lao động khác. Để các phân tích xu hướng TLTT mang tính phù hợp, thực tế và nhiều thông tin, nó cần được đặt vào một phân tích thị trường lao động lớn hơn.

TLTT trong quản trị thị trường lao động ảnh hưởng đến nhiều khía cạnh của thị trường lao động, và quan trọng hơn, nó ảnh hưởng đến cuộc sống và sinh kế của nhiều NLD. TLTT có mối liên quan chặt chẽ với sự thành lập công đoàn, sự chính thức hóa nền kinh tế, loại bỏ các tình huống việc làm không đầy đủ và thúc đẩy việc làm bền vững nói

chung. Số liệu thống kê về TLTT và đặc biệt về tỷ lệ bao phủ TLTT là rất quan trọng, giúp cho phép đo lường tiến độ đạt được mục tiêu việc làm bền vững cho tất cả mọi người. Khi được phổ biến và phiên giải cùng với các chỉ số thị trường lao động quan trọng khác bao trùm các chủ đề chính liên quan đến lao động, chúng trở thành một công cụ thông tin mạnh mẽ cho tất cả các nhóm chủ thể trong thị trường lao động.



7 | Tài liệu tham khảo

Quỹ châu Âu về Cải thiện Điều kiện Sống và Làm việc: Carley, J. 2009. Đoàn viên công đoàn 2003-2008.

ILO. 1926. Nghị quyết về thống kê TULĐTT. Được thông qua tại Hội nghị Quốc tế Thống kê Lao động lần thứ ba (1926).

ILO. 1951. Khuyến nghị về TULĐTT, 1951 (số 91). Được thông qua tại Geneva, tại kỳ họp ILC lần thứ 34 (29 tháng 6 năm 1951).

ILO. 1981. Công ước về TLTT, 1981 (số 154). Được thông qua tại Geneva, tại kỳ ILC lần thứ 67 (3 tháng 6 năm 1981).

ILO. 2012. Các chỉ số ĐTXH - Lưu ý So sánh: Thu thập Thông tin qua Điều tra Lực lượng Lao động.

ILO. 2013. Các chỉ số về Việc làm Bền vững - Hướng dẫn dành cho các nhà sản xuất và người sử dụng các chỉ số thống kê và khung pháp lý. (Chương 10. ĐTXH, đại diện của NLĐ và NSDLĐ). Cẩm nang của ILO, phiên bản thứ hai.

ILO. ILOSTAT. Cơ sở dữ liệu trung tâm về thống kê trực tuyến của ILO, có tại trang web: www.ilo.org/ilostat.

ILO: Gammarano, R. 2017. Hướng dẫn nhanh về nguồn số liệu và sử dụng số liệu thống kê về lao động.

ILO: Gernigon, B, Odero, A và Guido, H. 2000. Nguyên tắc ILO liên quan đến TLTT. Tạp chí Lao động Quốc tế - tập. 139 (2000), số 1.

ILO: Visser, J, Hayter, S và Gammarano, R. 2015. Xu hướng bao phủ TLTT: Ổn định, xói mòn hay suy giảm? Báo cáo tóm tắt số 1.

OECD. 1991. Triển vọng việc làm. "Chương 4 - Xu hướng đoàn viên công đoàn".

OECD. 1994. Triển vọng việc làm. "Chương 5 - TLTT: cấp thương lượng và mức độ bao phủ".

UNECE (Ủy ban Kinh tế châu Âu của Liên Hiệp Quốc). 2015. Cẩm nang về đo lường chất lượng việc làm - Khung thống kê. Do Nhóm Chuyên gia về Đo lường chất lượng Việc làm xây dựng.

Visser, J. 2016. ICTWSS: Cơ sở dữ liệu về các Đặc điểm Thể chế của Công đoàn, Ấn định Mức lương, sự Can thiệp của Nhà nước và các Hiệp ước Xã hội. Phiên bản 5.1, tháng 9 năm 2016. Có tại trang web: <http://www.uva-aiaa.net/en/ictwss>